

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Du lịch đang trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống của con người, du lịch không chỉ đem lại lợi ích kinh tế mà nó còn góp phần nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho con người, tạo ra cầu nối hữu nghị mở rộng hợp tác, đẩy mạnh giao lưu tăng cường khả năng hội nhập giữa các quốc gia với nhau. Vì vậy Du lịch đang là ngành kinh tế mũi nhọn, năng động nhất trên thế giới .

Cùng với sự phát triển của du lịch thế giới, du lịch Việt Nam cũng đang trên đà thăng tiến. Hình ảnh của Việt Nam đã trở thành điểm đến an toàn, thân thiện trong con mắt của khách du lịch. Với phương châm “muốn làm bạn với tất cả các nước” Việt Nam được coi là điểm đến của thiên niên kỷ mới, ngày càng là điểm du lịch quyến rũ tiềm ẩn đối với du khách quốc tế. Đang tạo thế và lực mới cho du lịch Việt Nam phát triển vững chắc hơn trong thế kỷ XXI.

Bình Giang là huyện nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, đây là một vùng đất có bề dày lịch sử trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Bình Giang được biết đến là một vùng đất hiếu học, được coi là “lò tiến sĩ sứ Đông” của dân tộc Việt Nam. Gắn liền với tên tuổi của các bậc danh nhân của dân tộc như: Tả tướng quân Vũ Nạp, Trạng vật Vũ Phong, Trạng cờ Vũ huyên, Trạng toán Vũ Hữu, Tiến sĩ Lê Cảnh Tuân... Với vị trí thuận lợi gần với thủ đô Hà Nội, cách trung tâm du lịch lớn: Hải Phòng, Quảng Ninh không xa, đây là một lợi thế để huyện phát triển du lịch, hơn nữa nơi đây có phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp của vùng quê đồng bằng bắc bộ với giếng nước, gốc đa, sân đình và xa xa là những cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay, đang đung đưa trước gió với màu xanh mướt của lúa thời con gái, màu vàng óng ả của lúa đương chín trong ánh chiều về... rất thích hợp cho du lịch tham quan, du lịch đồng quê. Bên cạnh đó mảnh đất Bình Giang còn có tiềm năng phát triển du lịch văn hoá với hệ thống dày đặc các di tích lịch sử văn

hoá, nhiều lễ hội độc đáo, đặc sắc mang đậm màu sắc cổ truyền dân tộc. Nơi đây còn lưu giữ được nhiều phong tục tập quán đẹp, các làng nghề thủ công truyền thống, các kho tàng văn hoá dân gian. Đây là nguồn lực và là thế mạnh để phát triển du lịch ở huyện Bình Giang. Tuy nhiên hiện nay phát triển du lịch của huyện chưa thực sự phát triển, các điểm được khai thác còn nhiều bất cập, còn tự phát phát triển không có quy hoạch, chưa có kiểm soát quản lý của chính quyền địa phương. Hơn nữa, thông qua bài viết này tác giả muốn quảng bá hình ảnh vùng đất và con người Bình Giang tới mọi người, tác giả cũng mong muốn qua bài viết này có thể giúp ích phần nào cho việc định hướng phát triển du lịch của huyện. Xuất phát từ những lý do đó tác giả đã chọn đề tài “Tiềm năng phát triển du lịch huyện Bình Giang tỉnh Hải Dương” để làm đề tài khoá luận tốt nghiệp.

## **2.Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài**

### **Mục đích**

Tìm ra tiềm năng phát triển du lịch tự nhiên và nhân văn của huyện nhằm thay đổi kinh tế cũng như thúc đẩy ngành du lịch của huyện nói riêng và của tỉnh nói chung, từng bước phát triển hoà nhập với tiến trình phát triển du lịch chung của cả nước .

Trên cơ sở tìm hiểu phân tích tiềm năng du lịch và đưa ra các giải pháp, các định hướng phát triển du lịch trên địa bàn huyện nhằm tạo ra một số sản phẩm du lịch độc đáo có sức hút mạnh mẽ đối với du khách, đóng góp vào sự phát triển du lịch của tỉnh.

### **Nhiệm vụ**

Tổng quan cơ sở lý luận về tiềm năng du lịch

Nghiên cứu phân tích các tiềm năng để phát triển du lịch huyện

Đề xuất một số định hướng, giải pháp phát triển du lịch

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu tiềm năng phát triển du lịch tại huyện Bình Giang

Phạm vi nghiên cứu là toàn bộ lãnh thổ hành chính của huyện Bình Giang.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Khảo sát thực địa tại địa bàn huyện, những kết quả điều tra thực địa là cơ sở để đánh giá ban đầu và thẩm định lại một số nhận định trong quá trình nghiên cứu .

Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: sau khi thu thập được các số liệu từ thực tế, từ các nguồn khác nhau đã tiến hành xử lý số liệu.

### **5. Nguồn tư liệu sử dụng trong khoá luận**

Khoá luận đã sử dụng nguồn tư liệu bao gồm: các tư liệu của phòng văn hoá thông tin huyện Bình Giang, phòng thống kê huyện Bình giang, tài liệu sách báo, tạp chí...quan trọng hơn là những tư liệu trong quá trình khảo sát thực tế của tác giả.

### **6. Kết cấu của luận văn**

Chương I: Cơ sở lý luận chung

Chương II: Tiềm năng phát triển du lịch huyện Bình Giang

Chương III: Định hướng và một số giải pháp để phát triển du lịch

## **CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG**

### **1.1. Một số khái niệm cơ bản về du lịch**

#### ***1.1.1. Khái niệm về du lịch***

Ngày nay du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống của con người, vì vậy du lịch ngày càng trở thành ngành kinh tế quan trọng ở nhiều nước trên thế giới.

Thuật ngữ “du lịch” trở nên rất thông dụng, nhưng không phải ai cũng biết thuật ngữ “du lịch” có nghĩa là gì. Nó bắt nguồn từ tiếng Pháp “Tour” nghĩa là đi vòng quanh, cuộc dạo chơi, còn “touriste” là người đi dạo chơi.

Nhưng trong vòng hơn 6 thập kỷ vừa qua, kể từ khi thành lập hiệp hội quốc tế các tổ chức du lịch IUOTO (International of Union official travel organization) năm 1925 tại Hà Lan, khái niệm du lịch luôn luôn được tranh luận. Đầu tiên, du lịch được hiểu là việc đi lại của từng cá nhân hoặc từng nhóm người rời khỏi chỗ ở của mình trong khoảng thời gian ngắn đến các vùng xung quanh để nghỉ ngơi giải trí, hay chữa bệnh. Ngày nay người ta đã thống nhất rằng về cơ bản, tất cả các hoạt động di chuyển của con người ở trong hay ngoài nước trừ việc đi cư trú chính trị, tìm việc làm và xâm lược, đều mang ý nghĩa du lịch.

Nhưng do hoàn cảnh (về thời gian, khu vực khác nhau) khác nhau, dưới mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau, thì mỗi người có một cách hiểu khác nhau về du lịch. Nhà kinh tế du lịch Robert Langar đã nhận xét “đối với du lịch có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa”.

Khái niệm du lịch có thể được xác định như sau: “du lịch là một dạng hoạt động của dân cư trong thời gian rỗi liên quan với sự di chuyển và lưu lại tạm thời bên ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm nghỉ, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức văn hoá hoặc thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế và văn hoá” (I.I Pirôgionic, 1985).

Tổ chức du lịch thế giới WTO định nghĩa du lịch gồm những loại hình

Du lịch quốc tế (International Tourism) gồm:

+du lịch vào trong nước (Inbound Tourism)

+du lịch ra ngoài nước (Outbound Tourism)

Du lịch của trong nước (Internal Tourism) gồm:

+du lịch nội địa (Domestic Tourism)

+du lịch quốc gia (National Tourism)

Định nghĩa theo quan niệm của W.McIntosh(Mỹ) du lịch gồm 4 thành phần

+du khách

+các doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm hay dịch vụ cho khách

+chính quyền tại địa điểm du lịch

+dân cư địa phương

Từ các thành phần trên du lịch được hiểu là tổng số các hiện tượng và mối quan hệ nảy sinh từ tác động qua lại giữa du khách, các nhà cung ứng và cộng đồng địa phương trong quá trình thu hút và tiếp đón du khách.

Theo luật du lịch Việt Nam

Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định. (Điều 4)

### ***1.1.2. Khái niệm về tài nguyên du lịch***

Là một trong những yếu tố quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và đời sống con người, hiểu theo nghĩa rộng thì tài nguyên bao gồm tất cả các nguồn lực, năng lượng và thông tin có trên trái đất đồng thời trong không gian vũ trụ liên quan mà con người có thể sử dụng phục vụ đời sống, cho sự phát triển của mình. Các yếu tố của tài nguyên liên quan đến điều kiện tự nhiên, điều kiện lịch sử văn hoá kinh tế xã hội vốn có trong tự nhiên hoặc do con người tạo dựng lên, các yếu tố này luôn tồn tại và gắn liền với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội đặc thù của mỗi vùng miền, mỗi địa phương. Nhưng các yếu tố

này chỉ trở thành tài nguyên du lịch khi được đầu tư qui hoạch và phát triển, được khai thác và sử dụng cho đúng mục đích phát triển du lịch.

Theo luật du lịch Việt Nam tài nguyên du lịch được định nghĩa: “Tài nguyên du lịch là cảnh quan tự nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch”

Tài nguyên du lịch có thể được hiểu là tài nguyên du lịch đang khai thác và chưa được khai thác, mức độ khai thác các tiềm năng này liên quan đến tài nguyên du lịch, phụ thuộc vào khả năng nghiên cứu phát hiện và đánh giá các tiềm năng. Tài nguyên vốn có còn tiềm ẩn, trình độ phát triển khoa học công nghệ đã tạo ra các phương tiện để khai thác các tiềm năng, tài nguyên đó.

## **1.2. Đặc điểm và vai trò của tài nguyên du lịch**

### ***1.2.1. Đặc điểm của tài nguyên du lịch***

Khối lượng các nguồn tài nguyên và diện tích phân bố các nguồn tài nguyên là cơ sở cần thiết để xây dựng khả năng khai thác và tiềm năng của hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi du lịch.

Thời gian có thể khai thác (như thời kỳ khí hậu thích hợp, mùa tắm, thế nằm của lớp tuyết phủ ổn định) xác định tính mùa vụ của du lịch, nhịp điệu dòng du lịch.

Tính bất biến về mặt lãnh thổ của đa số các tài nguyên tạo lên lực hút cơ sở hạ tầng và dòng du lịch tới nơi tập chung các loại tài nguyên đó .

Vốn đầu tư tương đối thấp và giá thành chi phí sản xuất không cao, cho phép xây dựng tương đối nhanh chóng cơ sở hạ tầng và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, cũng như khả năng sử dụng độc lập từng loại tài nguyên.

Khả năng sử dụng nhiều lần tài nguyên du lịch nếu tuân theo các qui định về sử dụng tài nguyên một cách hợp lý, thực hiện các biện pháp bảo vệ chung.

### **1.2.2. Vai trò của tài nguyên du lịch đối với phát triển du lịch**

Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành các sản phẩm du lịch

Sản phẩm du lịch được tạo lên từ nhiều yếu tố, nhưng tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản nhất. Các sản phẩm du lịch không thể đơn điệu, nghèo nàn, kém hấp dẫn mà cần phải phong phú, độc đáo, đặc sắc, mới mẻ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Chính sự phong phú và đa dạng của tài nguyên du lịch đã tạo lên sự phong phú, đa dạng của sản phẩm du lịch. Chất lượng của tài nguyên du lịch sẽ là yếu tố cơ bản tạo lên chất lượng của sản phẩm du lịch và hiệu quả của hoạt động du lịch .

Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch

Để không ngừng đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của du khách, thì các loại hình du lịch mới không ngừng ra đời và phát triển. Các loại hình du lịch mới ra đời đều phải dựa trên cơ sở của tài nguyên du lịch .

Tài nguyên du lịch là một bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức lãnh thổ du lịch trong phạm vi lãnh thổ cụ thể, mọi hoạt động du lịch đều phản ánh của một tổ chức không gian du lịch nhất định.

Hệ thống lãnh thổ du lịch thể hiện mối quan hệ về mặt không gian của các yếu tố có quan hệ mật thiết với nhau cấu tạo nên nó, cá yếu tố đó là khách du lịch, tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật, đội ngũ cán bộ công nhân viên chức và tổ chức điều hành quản lý du lịch.

Hệ thống lãnh thổ du lịch có nhiều cấp phân vị khác nhau, từ điểm du lịch tới trung tâm du lịch, tiểu vùng du lịch, á vùng và vùng du lịch. Dù ở phân vị nào thì tài nguyên du lịch cũng đều đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức lãnh thổ du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo ra sự hấp dẫn du lịch, tạo điều kiện để có thể khai thác tốt nhất các tiềm năng.

### **1.3. Tài nguyên du lịch tự nhiên**

#### ***1.3.1. Khái niệm tài nguyên du lịch tự nhiên***

Tài nguyên du lịch tự nhiên là các đối tượng và hiện tượng trong môi trường tự nhiên bao quanh chúng ta, thiên nhiên là môi trường sống của con người và mọi sinh vật trên trái đất, nhưng chỉ có các thành phần và các cá thể tổng hợp tự nhiên trực tiếp hay gián tiếp được khai thác sử dụng tạo ra các sản phẩm du lịch mới được xem là tài nguyên du lịch tự nhiên.

#### ***1.3.2. Đặc điểm tài nguyên du lịch tự nhiên***

Nếu được quy hoạch, bảo vệ, khai thác theo hướng bền vững thì phần lớn tài nguyên du lịch tự nhiên được xếp vào loại tài nguyên vô tận, có khả năng tái tạo .

Có tác dụng tham quan giải trí, tác dụng nhậm thức có ý nghĩa thứ yếu, không điển hình.

Thời gian tham quan thường diễn ra trong thời gian dài, thời gian tham quan có thể diễn ra trong vài giờ, cả ngày hoặc lâu hơn.

Bị ảnh hưởng lớn bởi tính mùa vụ, du lịch phụ thuộc vào các điều kiện khí tượng, các điều kiện tự nhiên khác. Trong hoạt động du lịch tự nhiên cũng có những thời kỳ, có những ngày không thích hợp cho giải trí ngoài trời như mùa bão không thể phát triển du lịch biển, mùa mưa không thích hợp cho du lịch ngoài trời như dã ngoại, cắm trại...

Thường nằm xa khu dân cư, đặc điểm này gây tốn kém, khó khăn cho việc tổ chức hoạt động du lịch, phần khác góp phần làm cho tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn du khách, bảo tồn tốt hơn các tài nguyên này do ít chịu ảnh hưởng của các hoạt động kinh tế xã hội.

#### ***1.3.3. Các dạng tài nguyên du lịch tự nhiên***

##### ***1.3.3.1. Địa hình***

Địa hình hiện tại của bề mặt trái đất là sản phẩm của các quá trình địa chất lâu dài. Trong chừng mực nhất định mọi hoạt động sống của con người trên một lãnh thổ đều phụ thuộc vào địa hình. Đối với hoạt động du lịch quan



trọng hơn cả là dấu hiệu bên ngoài của địa hình và các dạng địa hình đặc biệt có sức hấp dẫn khai thác cho du lịch Các đơn vị hành chính của địa hình là núi đồi và đồng bằng, chúng được phân biệt bởi độ cao của địa hình, mỗi loại địa hình lại có sức thu hút khách du lịch khác nhau

+địa hình đồng bằng tương đối đơn điệu về ngoại hình, ít gây được cảm hứng cho du khách, song đồng bằng lại là nơi thuận lợi cho phát triển kinh tế, canh tác nông nghiệp, văn hoá của con người, vì vậy nó ảnh hưởng gián tiếp đến du lịch.

+địa hình vùng đồi tạo ra một không gian thoáng đãng, bao la. Dạng địa hình này có tác động mạnh tới tâm lý du khách ưa thích dã ngoại, rất thích hợp với loại hình du lịch cắm trại tham quan, là nơi tập chung dân cư tương đối đông đúc, có nhiều di tích khảo cổ và tài nguyên văn hoá lịch sử độc đáo, tạo khả năng phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch tham quan, du lịch theo chuyên đề...

+địa hình vùng núi có ý nghĩa lớn với đối với phát triển du lịch, đây là khu vực thuận lợi cho việc tổ chức thể thao mùa đông, an dưỡng, trạm nghỉ, các cơ sở du lịch, khu vực có khả năng chuyển tiếp lộ trình, đỉnh núi có khả năng nhìn thấy toàn cảnh, là nơi thích hợp với môn thể thao leo núi. Trong miền núi cùng với địa hình, khí hậu, động thực vật tạo lên tài nguyên du lịch tổng hợp có khả năng tổ chức các loại hình du lịch ngắn ngày cũng như dài ngày .

+địa hình karstơ là địa hình được tạo thành do sự lưu thông của nước trong các đá dễ hoà tan (đá vôi, đá phấn, thạch cao, muối mỏ...) ở Việt Nam chủ yếu là đá vôi, một trong những kiểu karstơ được quan tâm nhiều nhất đó là hang động karstơ, đây chính là nguồn tài nguyên tài nguyên du lịch rất phát triển.

Các kiểu karstơ có thể được tạo thành từ sự hoà tan của nước trên mặt cũng như của nước ngầm. Một trong các kiểu karstơ được quan tâm nhiều nhất đối với du lịch là hang động karstơ. Những cảnh quan thiên nhiên và văn

hoá của hang động karst rất hấp dẫn du khách. Đây chính là một nguồn tài nguyên, một loại hàng hoá đặc biệt có thể sinh lợi dễ dàng.

Ngoài hang động karst, các kiểu địa hình karst khác cũng có giá trị lớn đối với du lịch như kiểu karst ngập nước, kiểu karst đồng bằng cũng thu hút sự chú ý của khách du lịch.

+kiểu địa hình ven bờ, các kho chứa nước (đại dương, biển, sông, hồ...) có thể khai thác phục vụ du lịch với các mục đích khác nhau từ tham quan theo chuyên đề đến nghỉ dưỡng, tắm biển, thể thao nước...

Trên phạm vi thế giới, số khách du lịch lớn nhất là khách đi nghỉ ở bờ biển. Một bãi biển thích hợp cho du lịch tắm biển là một bãi biển rộng, bằng phẳng, kết hợp với phong cảnh đẹp, hấp dẫn. Bãi biển càng gần thành phố trung tâm du lịch thì càng thu hút khách vì tiện lợi cho việc đi lại, tham quan.

#### 1.3.3.2. khí hậu

Khí hậu là thành phần quan trọng của môi trường tự nhiên, vì vậy nó cũng được coi là một tài nguyên du lịch. Trong các chỉ tiêu khí hậu đáng lưu ý là hai chỉ tiêu: nhiệt độ không khí và độ ẩm không khí. Ngoài ra còn có một số yếu tố khác như gió, lượng mưa, thành phần lý hoá của không khí, áp suất của khí quyển, ánh nắng mặt trời và các hiện tượng khí hậu đặc biệt .

Để đánh giá cụ thể các điều kiện khí hậu đối với hoạt động du lịch, ngoài các đặc điểm chung của từng khu vực, cần thiết phải đánh giá ảnh hưởng của các điều kiện đó tới sức khoẻ con người con người và các loại hình du lịch.

Điều kiện khí hậu có ảnh hưởng đến việc thực hiện các chuyến du lịch hoặc hoạt động dịch vụ về du lịch. Ở mức độ nhất định cần phải lưu ý tới những hiện tượng thời tiết đặc biệt làm cản trở tới kế hoạch du lịch .

Tính mùa vụ của du lịch chịu tác động chủ yếu của nhân tố khí hậu. Các vùng khác nhau có tính mùa vụ du lịch không như nhau do ảnh hưởng của các thành phần khí hậu .

+Mùa du lịch cả năm (liên tục) thích hợp với loại hình du lịch chữa bệnh suối khoáng, du lịch trên núi cả mùa đông và mùa hè. Tất nhiên trên thực tế rất

hiếm khi có sự phân phối đồng đều các dòng du lịch theo mùa vì chịu ảnh hưởng của các nguyên nhân khí hậu, tự nhiên, xã hội, kinh tế - kỹ thuật.

+Mùa đông –là mùa du lịch trên núi.Sự kéo dài của mùa đông có ảnh hưởng tới khả năng phát triển du lịch thể thao mùa đông và các loại hình du lịch mùa đông khác .

+Mùa hè là mùa du lịch quan trọng nhất vì có thể phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch biển, núi, khu vực đồng bằng-đồi. Khả năng du lịch mùa hè rất phong phú và đa dạng.

### 1.3.3.3. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước phục vụ du lịch bao gồm nước trên mặt và nước dưới đất. Đối với du lịch, tài nguyên nước trên mặt có ý nghĩa to lớn, nó bao gồm mạng lưới sông ngòi, ao, hồ, đại dương...Nguồn nước trên mặt không chỉ cung cấp cho nhu cầu của khu du lịch mà còn tạo các loại hình du lịch đa dạng như hồ, sông nước.

Nhằm mục đích du lịch, nước được sử dụng tùy theo nhu cầu cá nhân, theo độ tuổi và nhu cầu quốc gia. Nói chung giới hạn nhiệt độ lớp nước trên mặt tối thiểu có thể chấp nhận được là 18oC, đối với trẻ em là trên 20oC. Cùng với các chỉ tiêu cơ bản trên cần chú ý đến những tần số và tính chất sóng của dòng chảy, độ sạch của nước...

Đối với du lịch thể thao nên đánh giá tài nguyên cá, khả năng bắt cá, bảo vệ nguyên cá và định ra quy chế đánh cá.

Tài nguyên nước không chỉ có tác dụng phục hồi trực tiếp mà còn ảnh hưởng nhiều đến các thành phần khác của môi trường sống, đặc biệt là làm dịu khí hậu ven bờ

Ngoài ra, nước còn cần thiết cho đời sống của con người, đáp ứng những nhu cầu trong sinh hoạt hàng ngày của người.

Trong tài nguyên nước, cần phải nói đến tài nguyên nước khoáng. Đây là nguồn tài nguyên có giá trị an dưỡng và chữa bệnh.

Nước khoáng là nước thiên nhiên, chứa một số thành phần vật chất đặc biệt (các nguyên tố hoá học, các khí, các nguyên tố phóng xạ...) hoặc có một số tính chất vật lý (nhiệt độ cao, độ PH...) có tác dụng sinh lý đối với con người.

Để thuận lợi cho việc chữa bệnh, người ta đã tiến hành phân loại nước khoáng vào mục đích chữa bệnh khác nhau.

+Nhóm nước khoáng cacbôníc là nhóm nước khoáng quý có công dụng giải khát rất tốt và chữa một số bệnh như: cao huyết áp, sơ vữa động mạch nhẹ, các bệnh về hệ thần kinh ngoại biên. ví dụ như: Vicky(Pháp), Boczomi(Grudia), ở Việt Nam có nước suối Vĩnh Hảo.

+Nhóm nước khoáng silic có công hiệu đối với các bệnh đường tiêu hoá, thần kinh, thấp khớp, phụ khoa... ví dụ như: nguồn nước khoáng Kuldur(Liên xô cũ), ở Việt nam có nước khoáng Kim Bôi(Hoà Bình), Hội Vân(Phù Cát – Bình Định)

+Nhóm nước khoáng Brôm-Iôt-Bo có tác dụng chữa các bệnh ngoài da, thần kinh, phụ khoa... ví dụ như: nước khoáng Margeutheia và Fricarichshal(CHLB Đức), ở Việt Nam là Quang Hanh (Quảng Ninh), Tiên Lãng (Hải phòng).

Ngoài ra còn nhiều nhóm nước khoáng khác như: sunfuahyđrô, asen-fluo, liti, nhóm phóng xạ... có ý nghĩa du lịch chữa bệnh khác nhau.

#### 1.3.3.4. Tài nguyên sinh vật

Ngoài một số hình thức du lịch truyền thống như tham quan phong cảnh, các di tích lịch sử văn hoá, thì đã xuất hiện một hình thức mới, với sức hấp dẫn rất lớn đối với khách du lịch. Đó là du lịch các khu bảo tồn thiên nhiên với đối tượng là các loại động thực vật .

Không phải mọi tài nguyên thực động vật đều là đối tượng của du lịch. Để phục vụ cho các mục đích du lịch khác nhau, người ta đã chia ra các chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu phục vụ mục đích tham quan du lịch
- + Thâm thực vật phong phú, độc đáo và điển hình .

+Có loài đặc trưng cho khu vực, loài đặc hữu, loài quý hiếm đối với thế giới và trong nước .

+Có một số động vật (thú, chim, bò sát, côn trùng, cá...) phong phú điển hình cho vùng.

+Có các loại khai thác đặc sản phục vụ khách du lịch .

+Thực động vật có màu sắc hấp dẫn, vui mắt, một số loài phổ biến dễ quan sát bằng mắt thường, ống nhòm hoặc nghe tiếng chim hót, tiếng kêu và có thể chụp ảnh được.

+Đường xá thuận tiện cho việc đi lại quan sát, vui chơi của khách.

– Chỉ tiêu đối với du lịch săn bắn thể thao

Qui định loài được săn là loài phổ biến, không ảnh hưởng tới số lượng, quỹ gen, loài động vật hoạt động (ở dưới nước, mặt đất, trên cây) nhanh nhẹn có địa hình tương đối dễ vận động, xa khu dân cư, quân đội và cơ quan. Khu vực dành cho săn bắn phải tương đối rộng, bảo đảm tầm bay của đạn và bảo đảm an toàn tuyệt đối cho khách du lịch. Phải cấm dùng súng quân sự, mìn và chất nổ nguy hiểm.

– với mục đích nghiên cứu khoa học

+Nơi có hệ thực động vật phong phú và đa dạng

+Nơi còn tồn tại loài quý hiếm

+Nơi có thể quan sát đi lại chụp ảnh

+Có quy định thu mẫu của cơ quan quản lý ...

Như vậy tài nguyên thực động vật có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của ngành du lịch.

## **1.4. Tài nguyên du lịch nhân văn**

### ***1.4.1. Khái niệm tài nguyên du lịch nhân văn***

Là loại tài nguyên do con người sáng tạo ra hay nói cách khác nó là đối tượng là hiện tượng được tạo ra một cách nhân tạo bao gồm: di tích lịch sử văn hoá, di chỉ khảo cổ, lễ hội, nghề thủ công truyền thống, phong tục tập quán, nét văn hoá đương đại, các công trình kiến trúc nghệ thuật ...

### **1.4.2. Đặc điểm tài nguyên du lịch nhân văn**

Tài nguyên du lịch nhân văn có tác dụng nhận thức nhiều hơn. Tác dụng giải trí không điển hình hoặc có ý nghĩa thứ yếu.

Việc tìm hiểu các đối tượng nhân tạo diễn ra trong thời gian ngắn. Nó thường kéo dài một vài giờ, cũng có thể một vài phút. Do vậy trong khuôn khổ chuyến du lịch người ta có thể hiểu rõ nhiều đối tượng nhân tạo. Tài nguyên du lịch nhân văn thích hợp nhất với loại hình du lịch nhận thức theo lộ trình

Số người quan tâm tới tài nguyên du lịch nhân văn thường có văn hoá cao hơn, thu nhập và yêu cầu cao hơn.

Tài nguyên du lịch nhân văn thường tập trung ở các điểm quần cư và các thành phố lớn. Các thành phố lớn lại là đầu mối giao thông nên rõ ràng việc tiếp cận với nguồn tài nguyên này dễ dàng. Khi đến thăm nguyên tài nguyên nhân toạ có thể sử dụng cơ sở vật chất của du lịch đã được xây dựng trong các điểm quần cư mà không cần xây thêm cơ sở riêng.

Ưu thế lớn là đại bộ phận không mang tính mùa, không bị phụ thuộc vào các điều kiện khí tượng và các điều kiện tự nhiên khác. Vì thế tạo nên khả năng sử dụng tài nguyên du lịch nhân tạo ngoài giới hạn các mùa chính do các tài nguyên tự nhiên gây ra và giảm nhẹ tính mùa nói chung của các dòng du lịch. Trong mùa hoạt động du lịch tự nhiên cũng có những thời kỳ, có những ngày không thích hợp cho giải trí ngoài trời. Ở những trường hợp như thế, việc đi thăm tài nguyên du lịch nhân tạo là một giải pháp lý tưởng.

Việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn thường dựa vào cơ sở định tính xúc cảm và trực cảm. Sở thích của những người tìm đến tài nguyên du lịch nhân tạo rất phức tạp và rất khác nhau. Nó gây ra nhiều khó khăn trong việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân tạo. Khác với tài nguyên du lịch tự nhiên có một số phương pháp đánh giá định lượng tài nguyên, tiêu chuẩn đánh giá tài nguyên du lịch nhân tạo chủ yếu dựa vào cơ sở định tính xúc cảm và trực cảm. Việc tìm tòi tài nguyên du lịch nhân tạo chịu ảnh hưởng của các nhân tố như: độ tuổi, trình độ văn hóa, hứng thú, nghề nghiệp...

Tài nguyên du lịch nhân văn tác động theo từng giai đoạn: thông tin, tiếp xúc, nhận thức, đánh giá. Thông tin, ở giai đoạn này khách du lịch nhận được những tin tức chung nhất về đối tượng nhân tạo. Tiếp xúc, là giai đoạn khách có nhu cầu tiếp xúc bằng mắt thường với đối tượng. Nhận thức, trong giai đoạn này khách du lịch làm quen với đối tượng một cách cơ bản hơn, đi sâu vào nội dung của nó, thời gian tiếp xúc lâu hơn. Đánh giá nhận xét, ở giai đoạn này bằng kinh nghiệm sống của bản thân về mặt nhận thức, khách du lịch so sánh đối tượng này với đối tượng khác.

### ***1.4.3. Các dạng tài nguyên du lịch nhân văn***

#### ***1.4.3.1. Các di tích lịch sử văn hoá***

Di tích lịch sử văn hoá là những không gian vật chất cụ thể, khách quan, trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người hoạt động sáng tạo ra trong lịch sử để lại .

Phân loại :

+ di tích văn hoá khảo cổ: là những địa điểm ẩn giấu một bộ phận giá trị văn hoá, thuộc về một thời kỳ lịch sử xã hội loài người có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại.

Đa số các di tích văn hoá khảo cổ nằm trong lòng đất, cũng có trường hợp nằm trên mặt đất (như bức chạm khắc trên vách đá). Di tích văn hoá khảo cổ còn được gọi là di chỉ khảo cổ, được phân thành di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng.

Di chỉ cư trú gồm có di chỉ hang động, di chỉ cư trú có thành lũy (bằng đất hoặc bằng đá), di chỉ cư trú không có thành lũy (gắn với các tộc người sinh sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi ở các bãi, sườn đồi gò, dọc triền sông, bên cạnh những đầm hồ lớn và di chỉ đóng vỏ sò (thường gặp ở các vùng ven biển)

+di tích lịch sử: Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đều có những đặc điểm lịch sử riêng, được ghi dấu lại những di tích lịch sử. Sự ghi dấu ấy có những khác nhau về số lượng, sự phân bố và nội dung giá trị.

Loại hình di tích lịch bao gồm:

- Di tích ghi dấu về dân tộc học: sự ăn ở, sinh hoạt của các tộc người
- Di tích ghi dấu sự kiện chính trị quan trọng, tiêu biểu có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của đất nước, của địa phương.
- Di tích ghi dấu chiến công xâm lược
- Di tích ghi dấu những kỷ niệm
- Di tích ghi dấu sự vinh quang trong lao động
- Di tích ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến

Cũng có khi người ta còn phân chia loại hình di tích lịch sử thành các thời kỳ khác nhau: như thời kỳ cổ, cận đại, thời kỳ cận đại.

+di tích văn hoá nghệ thuật: là các di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị. Những di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hoá xã hội, văn hoá tinh thần .

+di tích danh lam thắng cảnh :

Ở mỗi đất nước, cùng với các di tích lịch sử- văn hoá, không nhiều thì ít, còn có những giá trị văn hoá do thiên nhiên ban cho, đó là các danh lam thắng cảnh.

Các danh lam thắng cảnh không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên bao la, hùng vĩ, thoáng đãng mà còn có giá trị nhân văn do bàn tay, khối óc của con người tạo dựng lên.

Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích lịch sử- văn hoá và vì vậy nó có giá trị quan trọng đối với hoạt động du lịch.

#### 1.4.3.2. Các lễ hội

Lễ hội là loại hình sinh hoạt văn hoá tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, là một kiểu sinh hoạt tập thể của nhân dân sau thời gian lao động mệt nhọc, hoặc là một dịp để con người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại: ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống, giải quyết những lúc lo âu, những khao khát, ước mơ mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được.

Lễ hội gồm 2 phần:



+phần lễ: các lễ hội dù lớn hay nhỏ đều có phần nghi lễ với những nghi thức nghiêm túc, trọng thể mở đầu ngày hội theo thời gian và không gian.

Phần nghi lễ mở đầu ngày hội bao giờ cũng mang tính tưởng niệm lịch sử, hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại, một vị anh hùng lỗi lạc có ảnh hưởng tới sự phát triển xã hội.

Nghi thức tế lễ nhằm bày tỏ lòng tôn kính với các bậc thánh hiền và thần linh, cầu mong được thiên thời, địa lợi, nhân hoà và sự phồn vinh hạnh phúc.

Nghi lễ tạo thành nền móng vững chắc, tạo một yếu tố thiêng liêng, một giá trị thẩm mỹ đối với toàn thể cộng đồng, người đi hội trước khi chuyển sang phần xem hội.

+phần hội: diễn ra những hoạt động biểu tượng điển hình của tâm lý cộng đồng, văn hoá dân tộc, chứa đựng những quan niệm của dân tộc đối với thực tế lịch sử, xã hội và thiên nhiên. Trong hội, thường có những trò chơi tượng trưng cho sự nhớ ơn và ghi công của người xưa.

Thời gian lễ hội

Lễ hội xuất hiện vào thời điểm linh thiêng của sự chuyển tiếp giữa hai mùa, đánh dấu sự kết thúc của một chu kỳ lao động, chuẩn bị bước sang một chu kỳ mới. Lễ hội tập trung nhất vào mùa xuân, ngoài ra còn có hội thu.

#### 1.4.3.3. Các đối tượng gắn với dân tộc học

Mỗi một dân tộc có những điều kiện sinh sống, những đặc điểm văn hoá, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất mang những sắc thái riêng của mình và có địa bàn cư trú nhất định. Những đặc thù của từng dân tộc có sức hấp dẫn riêng đối với khách du lịch.

Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học có ý nghĩa với du lịch là các tập tục lạ về cư trú, về tổ chức xã hội và thói quen ăn uống sinh hoạt, kiến trúc cổ, các nét truyền thống trong quy hoạch cư trú và xây dựng, trang phục dân tộc...

#### 1.4.3.4. Các đối tượng văn hoá, thể thao và hoạt động nhận thức khác

Các đối tượng văn hoá cũng thu hút khách du lịch với mục đích tham quan, nghiên cứu. Đó là các trung tâm của các viện khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn và nổi tiếng, các thành phố có triển lãm nghệ thuật, các trung tâm thường xuyên tổ chức liên hoan âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, các cuộc thi đấu thể thao quốc tế, các cuộc thi hoa hậu...

### **Tiểu kết chương I**

Với việc đưa ra những khái niệm của các nhà nghiên cứu, các kết quả nghiên cứu của các tổ chức, các học giả nhằm đưa ra được sự tổng hợp bao quát trong phạm vi nghiên cứu của đề tài.

Những lý luận chung, cơ bản sẽ giúp cho hoạt động tìm hiểu đề tài được thêm phong phú và có định hướng đúng đắn trong cách tiếp cận nguồn tài nguyên cho việc khai thác triển du lịch hiện nay.

Nghiên cứu đưa ra những khái niệm về du lịch và tài nguyên du lịch sẽ giúp ích cho việc có cái nhìn tổng quát về toàn bộ giá trị tài nguyên và hoạt động du lịch trên địa bàn nghiên cứu, phục vụ công tác nghiên cứu đề tài một cách tích cực.

Trước những thay đổi trong thời kỳ hội nhập, việc đưa những lý luận chung về xu thế phát triển du lịch hiện nay, sẽ giúp cho đề tài đi đúng hướng trong việc xây dựng những giải pháp phát triển phù hợp cho địa bàn nghiên cứu, thúc đẩy du lịch của địa bàn nghiên cứu phát triển.

## **CHƯƠNG II: TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN BÌNH GIANG**

### **2.1. Khái quát về tỉnh Hải Dương**

Hải Dương là một tỉnh nằm ở trung tâm châu thổ sông Hồng trong phạm vi 20 độ 36 đến 21 độ 33 vĩ độ bắc và từ 106 độ 30 đến 106 độ 36 kinh độ đông. Phía bắc giáp Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, phía đông giáp Hải Phòng, phía tây giáp Hưng Yên, phía nam giáp Thái Bình, thành phố Hải Dương cách Hà Nội 60 km.

Hải Dương có diện tích là: 1.648km<sup>2</sup>, với dân số là: 1.711.522 người, tỉnh lỵ là thành phố Hải Dương.

Hải Dương là một bộ phận lãnh thổ nằm trong địa bàn kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và đồng thời cũng là địa bàn du lịch trọng điểm ở phía bắc, có tuyến đường bộ, đường sắt quan trọng của quốc gia chạy qua như quốc lộ 5, quốc lộ 18, quốc lộ 183, quốc lộ 37 .

Đường cao tốc số 5 và tuyến đường xe lửa nối Hà Nội với Hải Phòng chạy xuyên suốt tỉnh và chia tỉnh ra làm hai phần trong đó thành phố Hải Dương nằm giữa trung tâm điểm của hệ thống giao thông vận tải này, là nơi có khối lượng hàng hoá và khách du lịch đi qua rất nhiều .

Đường quốc lộ 18 nối Hà Nội - Bắc Ninh - Hạ Long đi qua tỉnh với chiều dài 20 km, đi qua địa phận khu di tích Côn Sơn-Kiếp Bạc tạo điều kiện thuận lợi cho du khách trong và ngoài nước tới tham quan khu di tích này. Ngoài ra tỉnh còn là hệ thống giao thông đường thuỷ chính của vùng châu thổ, đặc biệt là hệ thống sông Thái Bình có điểm gặp sông Đuống đến Phả Lại dừng chân thăm Côn Sơn -Kiếp Bạc, sau đó theo sông Thái Bình, sông Kinh Môn tới tham Kính Chủ (Nam Thiên đệ lục động ), hay xuôi dòng Kinh Thầy tới, khu hang động Nhị Chiếu từ đây có thể tới vịnh Hạ Long bằng đường thuỷ.

Hải Dương tuy không có biển nhưng có khí hậu rất thuận lợi để phát triển du lịch, Hải Dương có tài nguyên du lịch nhân văn vô cùng phong phú

và đa dạng. Là nơi in đậm dấu ấn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, nơi gắn liền với tên tuổi của các danh nhân của dân tộc. Vì vậy đến với Hải Dương du khách không thể bỏ qua các điểm du lịch nổi tiếng như: Côn Sơn - Kiếp Bạc, Văn Miếu Mao Điền...và tham dự các lễ hội của tỉnh như: lễ hội Côn Sơn-Kiếp Bạc, hội đèn Cuối(Gia Lộc), hội đèn An Phụ (Kinh Môn)...cùng nhau thưởng thức những đặc sản nổi tiếng của vùng đất Hải Dương như: bánh đậu xanh, bánh gai Ninh Giang, vải thiều Thanh Hà...Chính những điều này đã thu hút khách du lịch đến Hải Dương.

Hiện nay du lịch Hải Dương đang ngày càng thu hút được nhiều lượng khách đến du lịch, không chỉ có khách du lịch trong nước mà còn thu hút cả khách quốc tế.

## **2.2. Tiềm năng phát triển du lịch huyện Bình Giang**

### **2.2.1. Khái quát về huyện Bình Giang**

Lịch sử hình thành và phát triển của huyện Bình Giang

Qua các triều đại lịch sử Việt Nam, qua kiểm kê các di tích lịch sử văn hoá của các làng trong huyện năm 1999, chúng ta thấy từ trước công nguyên, dưới thời Hùng Vương, Thục Vương đến sau công nguyên, thời Bà Trưng, Lý Bôn, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, nhà Lý, nhà Trần...còn lưu giữ lại nhiều chứng tích nói lên người và đất Bình Giang có từ thời xa xưa của dân tộc Việt Nam.

18 đời vua Hùng Vương so với dương lịch ước khoảng từ năm 2879 đến năm 258 trước công nguyên (2661 năm) và từ năm 275 đến năm 40 sau công nguyên (27 năm) huyện Bình Giang có nhiều người con đứng lên chiêu binh luyện võ giúp nhà vua đánh giặc lập công, được phong làm thành hoàng làng, sử chép là thời Bắc thuộc lần thứ nhất.

Phong kiến xâm lược phương bắc, coi nước ta như một bộ phận của Trung Hoa, nhà Hán chia nước ta làm 9 quận, trong 9 quận thì có 3 quận thuộc đất nước ta ngày nay: đó là Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Huyện Bình Giang thuộc đất Giao Chỉ .

Nhà Đường nước Trung Hoa đô hộ nước ta, gọi nước ta là An Nam phủ, chia làm 12 châu, 8 châu còn lại thuộc về đất nước Việt nam. Huyện Bình Giang thuộc về Giao Châu.

Năm 825, vua Đường sai Vũ Hồn sang làm thứ sử Giao Châu, trong quá trình làm quan Ông đã cắm đất lập ấp ở làng Mộ Trạch, và đặt tên huyện Bình Giang là huyện Đường An .

Năm 863, nhà Đường bỏ chức đô hộ phủ, đặt ra Hành Giao Châu ở Hải môn trấn. Huyện Bình giang vẫn giữ tên là Đường An.

Ngô Quyền xưng vương đóng đô ở Cổ Loa. Sau Ngô Quyền đến thời vua Đinh, vua Lê thì huyện Bình Giang vẫn giữ nguyên tên là Đường An.

Năm 1010, nhà Lý lên thay nhà Lê, dưới triều Lý, tỉnh Hải Dương là Hồng Châu. Huyện Bình Giang vẫn giữ nguyên là Đường An. Đến nhà Trần, nhà Hồ huyện Bình Giang vẫn giữ nguyên tên gọi là Đường An.

Năm 1407 nhà Minh đánh nhà Hồ, chiếm nước ta 20 năm, từ năm 1407 đến 1427, thời thuộc Minh, Hải Dương chia làm 2 phủ là Lạng Giang và Tiên An. Phủ Lạng Giang có 3 châu và 5 huyện, huyện Đường An thuộc quyền cai quản của châu Nam Sách.

Năm 1428, nhà Lê phục hồi nền độc lập dân tộc, tên nước và kinh đô vẫn giữ nguyên như nhà Trần. Đất Hải Dương thuộc về Đông Đạo, gồm 4 lộ: Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách, An Bang. Huyện Bình Giang thuộc lộ Thượng Hồng .

Đến thời Nguyễn, năm Minh Mệnh thứ 3 tức năm 1822, vì kiêng tên huý của nhà vua là “Hồng” mà đổi phủ Thượng Hồng thành phủ Bình Giang.

Năm Đồng Khánh thứ nhất, tức năm 1885, vì kiêng từ huý nhà vua là “Đường” mà đổi huyện Đường An ra huyện Năng An .

Năm 1898, người Pháp bỏ cấp phủ. Tri phủ Bình Giang đưa xuống tri huyện Năng Yên, đổi tên huyện Năng Yên ra phủ Bình Giang, rồi sau cách mạng tháng Tám năm 1945 lại gọi là huyện Bình Giang .

Năm 1968, nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà hợp hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên thành tỉnh Hải Hưng, năm 1997 lại tách ra. Năm 1977, hợp hai huyện Bình Giang và Cẩm Giàng thành huyện Cẩm Bình. Năm 1997 lại tách ra làm hai huyện Cẩm Giàng và Bình Giang.

Người Bình Giang đã đạt được nhiều thành tích to lớn trong cuộc kháng chiến, trong xây dựng và phát triển là nhờ vào tinh thần hy sinh, vượt khó khăn của toàn thể cán bộ đảng viên và từng người dân. Mỗi người con Bình Giang đang sống và làm việc trên chính quê hương mình và trên mọi miền đất nước ,dù ở bất cứ đâu họ đều cố gắng học tập, lao động tốt vững chí rèn đức luyện tài, hoàn thành tốt mọi công việc mà Đảng và nhà nước giao cho, đem lại vinh quang cho bản thân, gia đình, làng xã, tô đẹp truyền thống anh hùng của đất và người Bình Giang, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam.

### ***2.2.2. Tiềm năng tài nguyên du lịch của huyện***

#### ***2.2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên***

##### ***– Vị trí địa lý***

Huyện Bình Giang nằm trong đường vĩ tuyến bắc 21 độ và đường kinh độ đông 105 độ, là huyện nằm ở phía tây của tỉnh Hải Dương .Phía bắc giáp các xã Cẩm Điền, Cẩm Phúc, Cẩm Đông, Lương Điền huyện Cẩm Giàng, ranh giới là con sông Sặt. Phía nam giáp các xã Phạm Kha, Thanh Tùng, Hồng Quang, Ngô Quyền huyện Thanh Miện. Phía tây và tây bắc giáp các xã Hoà Phong, Minh Đức, Ngọc Luân huyện Mỹ Hào và các xã Phù Ủng, Bãi Sậy, Tân Phúc, Văn Nhuệ huyện Ân Thi thuộc tỉnh Hưng Yên, ranh giới là sông Sặt. Phía đông giáp các xã Trùng Khánh, Yết Kiêu, Lê Lợi huyện Gia Lộc, ranh giới là con sông Đào.

Điểm cực bắc huyện Bình Giang tại làng Thượng Khuông xã Hưng Thịnh, đến điểm cực nam tại làng kinh Trang xã Thái Dương cách nhau gần 14 km. Điểm cực đông tại làng Ô Xuyên xã Cổ Bì, đến điểm cực tây tại làng Thái khương xã Thái Dương cách nhau hơn 13 km.

Huyện Bình Giang có diện tích 105.1km<sup>2</sup>, có 17 xã, 1 thị trấn

– Địa hình

Bình Giang là huyện nằm gọn trong đồng bằng châu thổ sông Hồng, do phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp cho nên ở đây đất đai rất màu mỡ, địa hình bằng phẳng từ tây sang đông, từ bắc xuống nam, không có đồi, núi, rừng rú. Bốn mặt có sông dẫn nước từ sông Hồng và sông Thái Bình đến, địa hình này thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Vì vậy Bình Giang có số ruộng đất bình quân đầu người cao hơn các huyện khác trong tỉnh, chỉ đứng sau huyện Chí Linh, huyện Kinh Môn.

Địa hình này cũng thuận lợi cho việc thành lập các xưởng sản xuất để sản xuất các sản phẩm phục vụ cho du lịch, và thuận lợi cho việc vận chuyển hành khách.

– Khí hậu

Khí hậu mang đặc điểm chung của khí hậu vùng đồng bằng bắc bộ hàng năm có 2 mùa nóng . Lạnh rõ rệt. Mùa nóng mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 10. Mùa lạnh khô và ẩm từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm là 24oC độ các ngày nắng nhiệt độ có thể lên tới 38 độ, ngày lạnh nhiệt độ có thể xuống tới 6 độ, lượng mưa bình quân năm là 1.664mm, độ ẩm bình quân dao động từ 70-80%.

– Sông ngòi

Bình Giang bốn mặt đều có sông bao quanh, phía bắc là sông Sặt, phía đông là sông Đình Hào, sông Đào, phía tây là sông Cửu An, phía nam là sông cầu Lâm, cầu Cốc.

Sông Sặt còn có tên là sông Kim Sơn, ngày xưa có tên là Vân Dâu Giang, Dũng Giang, bắt nguồn từ sông Hồng, qua cống Xuân Quan, qua cầu Lục Điền, cầu của đường 39A, nối quốc lộ 5 với Hưng Yên, tiếp cận với Bình Giang, sát làng Tranh Ngoài xã Thúc Kháng. Đến đây, sông có nhánh đi suốt phía tây huyện gọi là sông Cửu An, một nhánh đi suốt phía bắc huyện gọi là sông Kẻ Sặt, thông với sông Thái Bình qua Âu Thuyền thành phố Hải Dương.

Gặp đất Bình Giang, sông Sắt bên hữu ngạn là làng Tranh Ngoài, làng Tráng liệt, thị trấn Kẻ Sắt. Bên tả ngạn là đất thuộc huyện Mỹ Hào tỉnh Hưng Yên và làng Đồng Xá thuộc thị trấn Kẻ Sắt. Qua cầu Sắt, sông Sắt đi vào nội địa huyện Bình Giang, hữu ngạn là xã Vĩnh Tuy, tả ngạn là xã Hưng Thịnh. Sông Sắt đi sát vào phía bắc làng Cây thuộc xã Long Xuyên, gần hết địa phận xã Long Xuyên, sông Sắt có một nhánh qua đập Bá Thủy, sang sông Đình Hào, sông ngăn cách địa giới giữa Bình Giang với Gia Lộc.

Sông Đình Hào chảy từ bắc xuống nam, có nhiều khúc uốn lượn qua cống An Thổ ra sông Luộc và qua cống cầu Xe ra cửa sông Thái Bình. Bên hữu ngạn thuộc xã Cổ Bi tiện cho dân Bình Giang và Gia Lộc qua lại .

Sông Cừ An còn có tên là sông Kênh Hai, sông Hà, sông Tây Kẻ Sắt chảy dọc phía tây huyện Bình Giang, bắt đầu từ Cống Tranh. Hết địa phận huyện Bình Giang, sông Cừ An chảy qua đập Neo huyện Thanh Miện ra sông Luộc, còn có nhánh chảy sang huyện Phù Cừ, Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên.

Sông Cầu Cốc, Cầu Lâm đi song song với địa giới huyện Bình Giang và huyện Thanh Miện, có khúc thuộc huyện Thanh Miện, có khúc thuộc đất Bình Giang. Sông bắt đầu từ sông Cừ An, chảy vào đất Thanh Miện, hết xã Ngô Quyền thì vào đất Bình Giang .

Sông Sắt, sông Cừ An, sông Đình Hào phục vụ cho việc tưới tiêu nước huyện Bình Giang, lại là tuyến đường giao thông thủy để huyện Bình Giang giao lưu với khắp nơi trong nước.

Ngoài những hệ thống sông chính trên thì huyện Bình Giang còn có một hệ thống các kênh rạch chạy dọc suốt lãnh thổ của huyện phục vụ rất hữu ích cho nông nghiệp và đi lại của người dân.

– *Tài nguyên sinh vật*

Trong quá trình phát triển lâu dài của dân tộc người dân Bình Giang sống chủ yếu bằng nghề sản xuất nông nghiệp, vì vậy một hệ thực vật phong phú chình là điểm mạnh nơi đây, ngoài cây lúa trên địa bàn còn có nhiều loài cây khác như cây ăn quả, cây cảnh, các vườn hoa... Nếu như khai thác tốt nơi đây



sẽ trở thành điểm du lịch sinh thái, du lịch tham quan ngắm cảnh hấp dẫn. Hệ động vật chưa có những đặc trưng riêng, chủ yếu là gia súc gia, gia cầm được thuần dưỡng và nuôi nhằm cung cấp cho nhu cầu của người dân và một số cơ sở lưu trú.

#### 2.2.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

##### – Di tích lịch sử văn hoá

Bình Giang là huyện có lịch sử hình thành lâu đời, do vậy nơi đây có rất nhiều di tích lịch sử. Theo thống kê thì huyện Bình Giang có 125 di tích lịch sử các loại, trong đó có 12 di tích được xếp hạng di tích cấp quốc gia, 7 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh .

**Bảng 1: Các di tích lịch sử văn hoá được xếp hạng quốc gia – xếp hạng tỉnh huyện Bình Giang**

STT	Tên loại di tích	Số lượng	Di tích cấp quốc gia	Di tích cấp tỉnh
1	Đình	13	8	5
2	Đền	1	0	1
3	Chùa	2	1	1
4	Miếu	1	1	0
5	Nhà thờ họ	1	1	0
6	Di tích danh nhân	1	1	0
7	Tổng	19	12	7

Nguồn: Phòng văn hoá thông tin huyện Bình Giang

#### + Đình Mộ Trạch

Đình Mộ Trạch thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, đình thờ thành hoàng làng Vũ Hồn.

Đình vốn ở xứ tây trù đầu thôn, vào khoảng giữa thế kỷ XVII đình được dời đến chỗ dựng ngày nay. Đình quay hướng đông, được xây theo kiểu chữ “đình”, phía trong có cửa đóng kín nối liền với hậu cung tạo thành kiểu kiến trúc hình chuỗi vồ. Hậu cung có mái chông diêm, bờ nóc đắp tượng lưỡng

long trầu nguyệt, bốn đầu mái cong vút. Hai bên hậu cung là hai nhà giải vũ hình thước, giải vũ lợp ngói, sát tường xây nhiều bệ, mỗi bệ là một bàn thờ tổ tiên của một dòng họ .

Trước đình trong là đình ngoài lợp ngói, bờ nóc gắn hai hàng gạch, hai đầu bờ mái gắn hình dây cuốn

Trước đình có sân hình chữ nhật, xây tường ba mặt. Trước sân có cột đồng trụ và hai công tả hữu .

Cột, kèo trong đình đều làm bằng gỗ lim, xà, đầu dư, cốn, đầu ván bung đều được chạm trổ các hình rồng phượng. Bức hoành phi “thành thọ vạn niên” treo ở gian giữa, hai gian kê bên xây sần có nhiều bậc cao thấp để phân biệt ngôi thứ trong làng. Hậu cung đình chỉ đặt bàn thờ vọng.

Đình Mộ Trạch còn lưu giữ nhiều hoành phi, câu đối cổ có giá trị lịch sử  
Bức hoành phi thứ nhất:

Vạn đại cơ (nền móng vạn đời)

Bức Hoành phi thứ hai:

Tiên tổ thị hoàng (tổ tiên đều là người danh giá)

Câu đối :

Vị tử tôn lập vạn đại cơ khanh tướng công hầu vô trị loạn

Dữ thiên địa đồng nhất nguyên khí hoàng vương đế bá hữu ô long

Dịch nghĩa:

Vì con cháu, lập nền móng vạn đời, khanh, tướng, công, hầu, thời trị thời loạn đều có.

Với trời đất, cùng chung nguyên khí, hoàng, vương, đế, bá đều có lúc thịnh lúc suy.

Bức cuốn thư “U duy thần tổ lai tư bắc phương giao châu đô hộ ngô áp thành hoàng”.

Dịch nghĩa:

Nguyên do thần tổ từ phương bắc đến đô hộ Giao Châu thành hoàng làng ta

Ngoài ra khi đến thăm Mộ Trạch, du khách còn được tham quan 22 bia đá có giá trị lịch sử như bia của nhà thờ “Quang Chấn Đường” nói về tể tướng Quốc Lão Vũ Duy Chí, bài bia do Đại học sĩ Hồ Sĩ Dương soạn. Bia nhà thờ “Thế Khoa Đường” có 3 đời liên đỗ tiến sĩ, bài bia do Hoàng giáp Nguyễn Viết Thư soạn. Bia nhà thờ họ Lê nói về sự tích Lê Cảnh Tuân, văn bia do Bảng nhãn Đỗ Uông soạn. Bia của nhà thờ “Thế Trạch Đường” tức gọi nhà thờ “Tràng Xuân”, kể sự tích Tiến sĩ Vũ Công Đạo van Vũ Công Lượng, văn bia do Trạng nguyên Nguyễn Quốc Khôi soạn ...

#### **+ Ngôi cổ miếu làng Mộ Trạch**

Ngay đầu làng có cổng tam quan, đi khoảng 60m là ngôi cổ miếu có kiến trúc thời Nguyễn, vẫn giữ được hình dáng kiến trúc, hệ thống cột, kèo, đòn tay, xà, mái theo đúng nét xưa. Bên trong ngôi miếu là hậu cung, nơi có tượng thần tổ đặt trong một hộp kính sơn son thiếp vàng lộng lẫy, hoa văn được chạm trổ hết sức tinh vi và mỹ thuật, phía trên cao dưới mái trong miếu có 1 tấm bảng gỗ sơn màu đỏ khắc 3 chữ thép vàng rất lớn “Vạn Thế Trạch” (ơn muôn đời) và một tấm bảng nền vàng có khắc 4 chữ sơn đen bóng “Thủy Tổ Linh Từ” (nơi thờ vị tổ đầu tiên linh thiêng). Dưới là 1 cửa võng chạm khắc rồng, phượng. Hiện nay miếu và đình làng còn lưu giữ được 8 đến 12 sắc phong của vị thần tổ do các vua ban cho.

#### **+ Nhà thờ dòng họ Nhữ**

Nhà thờ dòng họ Nhữ có tên chữ là “Tứ hiếu đường” tọa lạc ở phía nam thôn thị, xã Thái Học huyện Bình Giang. Đây là một dòng họ có nhiều người đỗ tiến sĩ và giữ các chức quan lớn trong các triều đại, có nhiều công lao lớn đối với đất nước .

Thủy tổ của dòng họ Nhữ là Tiến sĩ Nhữ Văn Lan, đỗ hoàng giáp đời vua Lê thánh Tông (1463), làm quan tới chức Hộ bộ thượng thư, vốn là ông ngoại

của Nguyễn Bình Khiêm. Đòi thứ 2 là Nhữ Huyền Minh di cư về Thái Học làm tri phủ Tràng An. Đến đòi thứ 7 cho xây dựng nhà thờ họ.

Kiến trúc: bao gồm hai lớp nhà giản dị, nhà tiền tế 3 gian, nhà hậu cung 3 gian, gỗ lim, lợp ngói. Trước cửa có một sân rộng, tường cao và nghi môn trụ biểu. Trong nhà hậu cung, có tượng vợ chồng thượng thư Nhữ Tiến Dụng (là con đòi thứ 7 dòng họ Nhữ) có công cắm đất xây dựng nhà thờ và hai đại tự Từ Hiếu Đường và Hải Nhạc Anh Tiên. Cho đến nay nhà thờ họ Nhữ còn lưu giữ gần trăm cổ vật, 31 đạo sắc phong của các đòi vua và cuốn gia phả ghi chép khá đầy đủ về phả hệ và công trạng các vị đại khoa .

Nhà thờ dòng họ Nhữ được nhà nước công nhận di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia năm 1996, đã được trùng tu, đảm bảo cho di tích bền lâu.

#### **+ Đình Mạc Xá**

Đình Mạc Xá thuộc thôn Mạc Xá, xã Tân Hồng, đình thờ thành hoàng làng Vũ Hồn, sau khi ông qua đời nhân dân địa phương lập ông là thành hoàng làng và thờ ông.

Kiến trúc của đình: xây dựng vào thế kỷ XVIII, trùng tu 1907, bố cục kiểu chữ có “đình”. Bao gồm 5 gian tiền tế, 3 gian hậu cung, tại đình thờ có nhiều cổ vật, trong đó 6 đạo sắc, 3 tấm bia, một chuông đồng thời Nguyễn và một bệ đá hoa sen. Di tích được xếp hạng cấp quốc gia năm 2001.

#### **+ Đình Cao Xá**

Đình thuộc thôn Cao Xá, xã Thái Hoà, đình thờ tướng quân Phan Chí, Phan Khí, Phan Minh có công đánh giặc Ân, được phong làm thành hoàng làng .

Đình khởi dựng vào thế kỷ XVII, trùng tu năm 1921. Ngôi đình có bố cục chữ “Nhị”, bao gồm tiền đường 5 gian, hậu cung 3 gian, nghệ thuật chạm khắc trang trí với đề tài phong phú. Trên các đầu dư đỡ cấu kiện đều được chạm trổ nhiều hình hoa lá lộng lẫy. Trong đình còn lưu giữ 6 đạo sắc, 1 tượng chàm bằng đá xanh và nhiều đồ tế tự. Đình được xếp hạng cấp quốc gia năm 1995.

– Lễ hội

Lễ hội là một phần cuộc sống của con người, lễ hội là cái linh thiêng mà con người hướng tới, là sự kết nối con người với con người, và với thần linh. Bình Giang là một huyện có nhiều di tích lịch sử, nhiều làng nghề cho nên cũng có rất nhiều lễ hội.

**Bảng 2: Một số lễ hội chính của huyện Bình Giang**

STT	Tên lễ hội	Thời gian tổ chức	Địa điểm	Nội dung
1	Lễ hội Mộ Trạch	Mùng 8 tháng giêng(âm lịch)	Xã Tân Hồng	Thờ thành hoàng làng Vũ Hồn, tế lễ, trò chơi giải chữ
2	Lễ hội đình Cây	Mùng 10 tháng 3(âm lịch)	Xã Long Xuyên	Thờ Bảo Phúc Đại Vương, tế lễ, lễ rước ngài bay
3	Lễ hội đình Châu Khê	19 – 20 tháng giêng(âm lịch)	Xã Thúc Kháng	Thờ thành hoàng làng Phạm Sĩ, tế lễ
4	Lễ hội đình Cao Xá	Mùng 6 tháng giêng(âm lịch)	Xã Thái Hoà	Thờ thành hoàng làng Phan Chí, Phan Minh, Phan Khí, tế lễ, trò đánh trận
5	Lễ giáng sinh nhà thờ Sắt	Ngày 24 tháng 12(dương lịch)	Thị trấn Kê Sắt	Thờ ông thánh An- Tông và ông thánh Phêrô

Nguồn: Phòng Văn hoá Thông tin huyện Bình Giang

### **+ Lễ hội Mộ Trạch**

Lễ hội Mộ Trạch được tổ chức tại làng Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang. Lễ hội được tổ chức vào ngày mùng 8 tháng giêng, nhằm tôn vinh thành hoàng làng Vũ Hồn, người đã có công lập ra làng Mộ Trạch .

Lễ hội bắt đầu bằng lễ rước, lễ rước được bắt đầu từ miếu ra đình, để các cụ bô lão, chức sắc trong làng làm lễ tế thành hoàng làng. Đoàn rước có kiệu rồng với 8 trai làng, mặc áo chèn đỏ, đầu chít khăn đỏ cùng khiêng. Trên ngai cao có mũ, áo, hia màu vàng tượng trưng cho cụ tổ Vũ Hồn. Hai bên có che hai cái tán ở trên long ngai.

Đi đầu có đội bát bửu bộ, cờ quạt, và đi trước là kiệu bát cống, các cụ, các bà đứng hai bên đường chấp tay thành kính khi “kiệu thánh” đi qua. Đoàn rước đi chậm theo tiếng nhạc bát âm, đàn, sáo, kèn, chiêng, trống trang nghiêm, kính cẩn. Khi đoàn rước đến đình thì rước tượng thánh vào đình, các cụ bô lão, chức sắc trong làng tiến hành tế lễ, cáo phó với thành hoàng làng .

Phần tế trong lễ hội được cử hành theo nghi thức cổ truyền do các cụ đảm nhiệm, các cụ ăn mặc chỉnh tề, sau khi đã có mặt đông đủ mọi người thì lễ dâng hương bắt đầu được cử hành, sau khi dâng hương dâng rượu lên bàn thờ xong, tất cả mọi người chờ nghe đọc văn tế. Khi người đọc văn tế ra trước bàn thờ, quỳ xuống hai tay nâng giá văn trên có để sẵn bài văn tế thánh. Nội dung bài văn tế nhằm ca ngợi công đức của thánh thần và lòng thành tâm kính trọng, biết ơn của dân làng với thành hoàng làng, cầu xin Ngài phù hộ cứu giúp và che chở cho dân làng. Bên cạnh đó vị chủ tế sẽ báo cáo với tổ tiên về việc học của con cháu, về những thành tích mà con cháu đã đạt được trong năm vừa qua, qua đó tôn vinh những người có thành tích, có công với làng.

Phần hội diễn ra sôi nổi với các màn múa, hát đặc sắc mang đậm bản sắc dân gian, ca ngợi truyền thống quê hương đất nước, với một số trò chơi dân gian như: cờ người, đố chữ, giả chữ, bóng truyền....

Lễ hội Mộ Trạch là lễ hội lớn, lễ hội khơi dậy tinh thần hiếu học của người dân, ngưỡng mộ tổ tiên, giữ lấy nét đẹp trong các lễ hội cổ truyền, đoàn kết cộng đồng địa phương lại với nhau, góp phần gìn giữ nét đẹp cộng đồng.

#### **+ Lễ giáng sinh ở nhà thờ Sắt**

Nhà thờ Sắt nằm trên địa bàn thị trấn Kẻ Sắt, huyện Bình Giang. Theo lịch sử thiên chúa giáo thì đạo Gia Tô truyền đến huyện Bình Giang khoảng thế kỷ XVII, số người theo đạo ở đây tăng lên khá nhanh. Giáo xứ Kẻ Sắt nằm giữa hai địa phận Hà Nội, Bắc Ninh lên giáo dân đều về dự, làm cho lễ hội diễn ra sôi nổi và đông đúc. Mỗi năm giáo xứ Sắt có 4 mùa lễ hội, trong đó lễ giáng sinh là quan trọng nhất.

Để chuẩn bị cho lễ giáng sinh, con chiên đi làm ăn ở các nơi về tụ hội và đoàn tụ gia đình, tạo lên không khí nhộn nhịp. Nhà thờ tổng vệ sinh, đường phố trang trí đèn hoa, cửa hàng trưng bày qua giáng sinh.

Ngày 23 toàn thể giáo dân tập trung làm lễ đài ở nhà thờ lớn, tu tạo hang đá Bêlem, nơi chúa ra đời, dựng cây thông Noel, làm ngôi sao chiếu mệnh của chúa treo giữa hai tháp nhà thờ .

Ngày 24, rước tượng chúa từ nhà thờ lớn về nhà thờ thánh An Tông để chuẩn bị cho lễ rước đêm Noel. Các hội ca đoàn, kèn, đội thánh ca được tập hợp để chuẩn bị cho lễ trọng. Ngày lễ trọng giáo dân nghỉ ngơi, mọi nhà tổ chức ăn mừng, mặc những bộ quần áo đẹp nhất, trong sinh hoạt chỉ làm những điều thiện.

Tối 24, các ngã đường về Kẻ Sắt nườm nượp người, trong đó không chỉ có giáo dân mà không ít người bên lương đến tham dự lễ hội. Từ 18-23 giờ, giáo dân và khách hành hương xem biểu diễn văn nghệ trước nhà thờ lớn. Trong nhà thờ hội tràng hạt, hội giáo dân cầu kinh. 23 giờ đêm, lễ Noel bắt đầu. Giáo dân tập trung ở nhà thờ thánh An Tông, chuẩn bị rước tượng chúa hài đồng. Sau khi hát thánh ca mừng chúa, lễ rước kiệu bắt đầu, kiệu được chằng đèn kết hoa rực rỡ. Đoàn rước vừa đi vừa cầu kinh. Trước kiệu, có hai thiếu nữ mặc áo trắng, vừa đi vừa rắc hoa trước kiệu. Đi sau, kiệu là cha xứ,

mặc lễ phục trắng, khoác áo choàng đen, đội mũ linh mục màu đỏ, hai bên có 4 chú giúp việc. Đi đầu đoàn rước có 1 tiểu đồng xách lư xích trầm thơm ngát tạo lên không khí thiêng liêng, trịnh trọng. Đi sau cha xứ là hàng ngàn giáo dân trang phục chỉnh tề, kính cẩn. Khi đoàn rước về đến nhà thờ lớn, 3 quả chuông cùng rống lên vang rền chào đón, hoà với nhạc điệu hùng tráng của dàn kèn trống đầy không khí lên đến đỉnh cao. Đúng 24 giờ, tượng chúa được đặt vào bàn đọc. Chuông trống dừng lại, giáo dân ngồi xuống ghế, cha xứ bắt đầu giảng kinh trong không khí trang nghiêm, trầm lắng. Giảng kinh xong, thánh ca vút lên trữ tình, tỏ lòng biết ơn chúa đã cứu vớt chúng sinh. 1 giờ sáng ngày 25 lễ giáng sinh kết thúc trong tiếng chuông, tiếng nhạc hùng tráng mừng một mùa giáng sinh yên vui, hạnh phúc.

#### **+ Lễ hội đình Cây**

Lễ hội đình Cây diễn ra ở xã Long Xuyên, huyện Bình Giang, lễ được tổ chức vào ngày mừng 10 tháng 3 (âm lịch).

Lễ hội đình Cây diễn ra trong hai ngày, ngày 9 và mừng 10 tháng 3 âm lịch, chính hội là ngày mừng 10.

Bắt đầu của lễ là lễ rước, ngày thứ nhất rước từ đình ra chùa, ngày thứ hai rước ngược lại. Sáng ngày mừng 10 là ngày hội chính. Các đoàn rước ổn định nghi thức đội hình, đoàn rước bắt đầu chuẩn bị theo nhịp trống, nhịp chiêng dồn dập đi đến chùa rước tượng Bảo Phúc Đại Vương. Đoàn rước bao gồm rất nhiều trai tráng trong làng, xã, đầu đoàn rước là hai con kỳ lân, trong đó có một con hai sừng và một con có một sừng, cùng với hai con rồng và hai con hạc, đang nhảy múa theo điệu trống, chiêng, kèn.

Đi cuối cùng là thành hoàng làng, tượng thành hoàng làng Cây rất lớn. Ngài được rước trên ngai. Đoàn rước gồm 8 trai làng, khoẻ mạnh, mặc trang phục cổ truyền như áo đỏ, quần trắng, đầu quấn khăn cùng khiêng ngai. Hai bên có che hai cái tán ở trên long ngai.

Đi trước ngài là một ngai rước một bát hương to, kế tiếp bên là những mâm thờ gồm mâm bánh kẹo, hoa quả, trầu cau, lợn quay. Khi đoàn rước về



đến, con cháu đưa mâm lễ vật vào trong đình, trong đình các cụ già trong làng sẽ tiến hành tế lễ. vị chủ trì buổi lễ trình trọng đọc bài văn tế tạ ơn thành hoàng làng. Phần hay nhất của lễ hội là phần lễ rước “ngài bay”, rất nhiều thanh niên trai tráng khênh kiệu ngài của ngài và kiệu bát hương chạy rất nhanh vòng quanh sân đình nhiều vòng, làm lễ hội trở lên nhộn nhịp hơn. Ý nghĩa của nó là mong một mùa tốt tươi, làm ăn phát đạt, cuộc sống an lành, hạnh phúc.

Phần hội có nhiều trò chơi như thi làm đồ sứ, thi đánh cờ người, kéo co, đánh cầu lông. Các trò chơi này làm cho lễ hội trở lên hấp dẫn thu hút mọi người vào lễ hội.

– *Nghề thủ công truyền thống*

Nghề thủ công truyền thống là một trong những loại hình di sản văn hoá phi vật thể có giá trị vẫn tồn tại ở các làng xã từ nhiều thế kỷ nay, nghề thủ công truyền thống không chỉ có giá trị văn hoá, lịch sử mà nó còn có giá trị về kinh tế.

Bên cạnh làm nông nghiệp, làng nào trong huyện Bình Giang cũng có người làm nghề thủ công. Vừa làm ruộng vừa làm nghề nông, làm ruộng cho thóc gạo, nghề cho tiền .

**Bảng 3: Một số làng nghề tiêu biểu của huyện Bình Giang**

STT	Tên nghề	Địa điểm
1	Vàng bạc Châu Khê	Xã Thúc Kháng
2	Mộc Trại Như	Xã Bình Xuyên
3	Gốm sứ Cậy	Xã Long Xuyên
4	Lược Vạc	Xã Thái Học
5	Làng mộc Phương Độ	Xã Hưng Thịnh
6	Nghề ruộm Đan Loan	Xã Nhân Quyền

Nguồn: UBND huyện Bình Giang

### **+ Vàng bạc Châu Khê**

Triều Lê, làng Châu Khê xã Thúc Kháng có ông Lê Xuân Tín làm quan trong triều, được vua Lê Thành Tôn (1460-1497) giao cho việc đúc bạc thành nén cho nhà vua. Lê Xuân Tín đem người lên kinh đô để làm. Từ đúc bạc nén, người Châu Khê đã học chế tác vàng bạc ra đồ trang sức. Ông được coi là người đem nghề làm vàng bạc về cho làng, người dân Châu Khê đã tôn ông là tổ sư của nghề .

Nguyên liệu chính của nghề là vàng, bạc. Công cụ có búa, đe, lò, bể, mỏ hàn, đèn sừ, kim, cân tiểu ly. Nghề nhân có tay nghề cao mới có thể chế tác được những đồ trang sức có hình thái tinh vi, được nhiều người thích .

Sản phẩm tiêu biểu: các loại đồ tế, sản phẩm trang trí mạ vàng, bạc, đặc biệt là các loại đồ trang sức với đủ mẫu mã .

### **+ Lược Vạc**

Làng Vạc thuộc xã Thái Học, huyện Bình Giang tỉnh Hải Dương. Người làng Vạc kể rằng: có ông Nhữ Đình Hiền, người làng Vạc, đỗ tiến sĩ khoa canh thân tức năm 1680, năm Đinh Sửu tức năm 1697 sung phó sứ đi cống nhà Thanh nước Trung Hoa, đem bà tiến sĩ Lê Thị Hiệu đi cùng. Sang Trung Quốc, gặp làng có nghề làm lược tre, bà ở lại ấy học lấy nghề, đem về dạy cho dân làng. Nhân dân làng Vạc gọi ông bà là tổ nghề .

Nguyên liệu làm lược, là tre vầu mua ở Hoà Bình, sơn mua ở Phú Thọ, xương đầu lược mua ở Mộ Trạch, chỉ ken lược mua ở làng Phú Khê. Dụng cụ có các loại dao, đá mài, khung bẻ nan, khung xếp nan, ken chỉ, chổi quét sơn, dao sắc các loại.

Công đoạn làm: Những thanh vầu mua về, ngâm xuống ao cho khỏi mốc, tước hết lòng, đan thành phen, vát lên nóc nhà, phơi thật khô. Từ mảnh phen ấy, chẻ ra nan, cầm từ nan chuốt qua lưỡi dao sắc cho nhẵn. Nan đã tuốt gọi là tằm, đưa vào khung bẻ tằm, rồi ken thành hình cái lược. Dùng sơn gắn cái lược bằng vầu hay bằng xương che kín hàng chỉ. Mỗi đầu nắp một miếng xương mỏng, hình nửa bầu dục hay nửa hình thoi. Cái lược kĩ, bằng vầu sơn

các màu thật bóng, loại vẽ hoa văn thật đẹp điểm các màu. Khâu cuối cùng là đánh bóng hai bên răng lược, làm cho lược rề ràng rề tóc ăn sát vào da đầu.

### **+Gốm sứ Cậy**

Làng Cậy là hai làng Hương Gián và Kệ Gián ở liền nhau. Xưa đã có nghề sành sứ, không biết nghề bắt đầu từ bao giờ và do ai đem đến. Do vị trí thuận lợi có sông ngay bên cạnh thuận tiện cho việc vận chuyển và sản xuất cho nên nghề đã nhanh chóng phát triển, đạt được nhiều thành tựu rực rỡ. Trải qua thăng trầm của lịch sử cho đến nay gốm sứ Cậy không còn phát triển như xưa, nhưng các sản phẩm của gốm sứ Cậy vẫn được nhiều người yêu mến.

Nguyên liệu làm sành sứ là cao lanh, đất sét trắng mua ở Kinh Môn, củi đốt lò mua ở mạn ngược, theo đường sông mang về, than mua ở Quảng Ninh, các loại hoá chất làm men mua ở Hà Nội. Công cụ sản xuất: bể lọc đất, bàn xoay tạo hình, lò nung, khuôn mẫu đều do người làng tự làm.

Các nghệ nhân làm gốm sứ Cậy luôn luôn cải tiến kỹ thuật, nâng cao và đa dạng hoá sản phẩm. Có những công nhân có tay nghề cao, người ta gọi là nghệ nhân, như ông Vũ Thế Cửu được nhà nước và UNESCO công nhận bàn tay vàng, các thợ thủ công có tay nghề cao như: Vũ Xuân Năm, Ngô Bá Loan, Vũ Bá Ngọ, đã làm gạch kiêu triều Trần, ngói mũi hài triều Lê, ngói cổ móng giồng màu lưu ly xứ Huế để tu sửa di tích cố đô Huế, di tích Côn Sơn, đắp và nung phù điêu, xây dựng tượng đài Trần Hưng Đạo ... Với những thành tựu trên gốm sứ Cậy đã khẳng định được thương hiệu của mình.

### **+Làng Mộc Phương Độ**

Làng Phương Độ còn gọi là làng Đò, thuộc xã Hưng Thịnh có nghề đóng bàn gỗ, tủ chè phát triển mạnh .

Nguyên liệu làm là gỗ lim, gỗ bạch đàn, gỗ dổi. Sản xuất ở đây sử dụng kết hợp thủ công với máy móc, tham gia sản xuất có thanh niên được đào tạo đủ tài chạm các hoạ tiết, hoa văn tinh xảo, các hình thù long, ly, quy, phượng, được đánh bóng, sơn dầu rất bắt mắt, kỹ thuật khảm trạm cầu kỳ. Sản phẩm

làm xong bày ra hai bên đường 5, khách mua vận chuyển đi các nơi đều tiện. Các sản phẩm chính là tủ, bàn ghế, giường...

### **+Nghề ruộm Đan Loan**

Làng Đan Loan còn gọi là làng Đọc, thuộc xã Nhân Quyền, nghề ruộm của làng đã có tiếng từ rất lâu được nhân dân khen ngợi “Tiền đọc, thóc Nhữ, chữ Trầm”. Ý khen làng Đọc có nghề thợ ruộm nổi tiếng kiếm được nhiều tiền.

Người làng Đọc kể: khoảng cuối thế kỷ VIII, thời nhà Đường nước Trung Hoa sang xâm lược nước ta có Triệu Xương sang làm chức quan đô hộ cả nước. Triệu Xương có người vợ đến ở làng Đan Loan, dạy cho dân làng nghề ruộm vải, lụa. Dân làng nhớ ơn đẩy thờ hai ông bà làm thành hoàng làng.

Nguyên liệu, dụng cụ làm: các lọ thuốc nhuộm với đủ màu sắc, và những miếng vải màu làm mẫu, một bên thúng sắt dùng để đun nước, một sải to bằng sơn để ruộm, ghế để ngồi.

Cách làm: khách sẽ chọn màu, sau đó người thợ sẽ đun sôi nước màu lên cho quần áo cần ruộm vào, nhúng cho quần áo ngấm đều nước nhuộm, để một lúc bỏ ra, dùng một que gậy đập đập quần áo, sau đó lại cho vào lần nữa, vớt ra vắt, phơi khô. Hiện nay do nhu cầu của người dân trong vùng tăng, cho nên một số khâu trong quá trình sản xuất đã được thay thế bằng máy móc.

Sáu làng nghề trên đã được công nhận danh hiệu làng nghề, đang hoạt động có hiệu quả, đạt doanh thu cao, tạo được nhiều công ăn việc làm cho người lao động.

Ngoài sáu làng nghề trên thì huyện Bình Giang còn nhiều làng nghề khác hoạt động với quy mô nhỏ hơn và đang có nguy cơ bị mai một như: nghề nặn tượng, nghề làm bánh đa đường ở Sặt, nghề đan dầm sàng bằng tre, nghề làm giường chõng tre, nghề đánh cá sông. Một số nghề của huyện đã bị mai một, không có người theo nghề như: nghề ruộm vải chàm, nghề làm hàng mỹ nghệ bằng đồi mồi, sừng, móng trâu, nghề dệt vải khổ hẹp và sẻ hom, nghề se chỉ, nghề thợ sơn, nghề đúc khoá bằng đồng

– *Ấm thực*

Ấm thực là một vấn đề ngày càng được quan tâm, nhất là khi cuộc sống của con người ngày càng được nâng cao. Trong xã hội phát triển ăn no, ăn nhiều không còn là điều quan trọng, mà người ta quan tâm đến giá trị của món ăn. Các món ăn truyền thống ngày càng thu hút được mọi người. Trên địa phận huyện Bình Giang có rất nhiều món ăn truyền thống như: bánh đa đường Kẽ Sắt, bún, bánh cuốn, kẹo chả...

**+ Bánh đa đường**

Hiện nay ở Hải Dương hầu như huyện nào cũng có người làm nghề bánh đa như: Đoàn Tùng (Thanh Miện), Hóp (Gia Lộc)...nhưng tất cả các địa phương trên đều sản xuất các loại bánh đa thông thường .

Ngay từ xa xưa ở Hải Dương đã xuất hiện một trung tâm sản xuất bánh đa nướng nổi tiếng-đó là kẻ Sắt. Bánh đa Kẽ Sắt, bánh đậu xanh Hải Dương, bánh gai Ninh Giang là ba loại bánh đặc sản ngon nổi tiếng của tỉnh đông thừa trước.

Bánh đa sắt đã có cách đây gần một 100 năm, trước đây nó là một loại bánh được làm từ bột gạo, khi ăn đem rán, nhưng rất cứng, khó ăn. Từ loại bánh này đã sáng tạo ra loại bánh đa đường vừa giòn vừa ngon.

Dụng cụ :

-Cối xay bột

-Nồi đáy :là nồi đồng hoặc nồi nhôm, kích thước của nồi phải phù hợp với khuôn

-Ổng nứa: dùng để cuộn bánh từ phen nứa

-Phen nứa: kích thước 3m x 1m dùng để phơi bánh

-Khuôn bánh: đường kính 0.35m, băng dây thép bọc một lần vải, phải dùng vải tốt, nhẵn.

Nguyên liệu:

- Gạo: yêu cầu gạo phải ngon

-Vừng: phải chọn loại tốt, vừng tằm là tốt nhất

- Đường kính hoặc đường cát
- Lạc: chọn loại lạc già, nhân to, mẩy
- Dừa: dừa già, cùi dày
- Gừng: gừng già, không bị hỏng

Công đoạn sản xuất: gồm 3 công đoạn chính

Chuẩn bị nguyên liệu làm bánh

Gạo: ngâm 1 đến 2 tiếng để ráo nước, sau đó đem xay, vừa xay vừa đổ nước để cho nước bột có nồng độ vừa phải không đặc, không loãng quá. Sau đó vắt lọc bằng vải .Trước khi tráng đem đun đường chảy ra hoà với bột, già nhỏ gừng lấy nước hoà với bột, vừng đem ngâm xát vỏ, lạc nhân thái thật mỏng sau đó xẩy thật sạch vỏ, dừa thái mỏng.

Tráng bánh

Đổ nước sạch vào nồi khoảng 2/3 diện tích, khi đun lửa phải giữ ổn định trong suốt quá trình tráng. Khi nước sôi để khuôn lên miệng nồi, múc một muôi bột lên khuôn, dùng muôi dàn đều trên mặt khuôn. Đối với bánh đa thông thường chỉ cần tráng một lần là được nhưng đối với bánh đa đường sau khi tráng lần thứ nhất rắc đều vừng, lạc, dừa lên mặt bánh. Sau đó tiếp tục múc một muôi bột nữa đổ lên trên tráng đều kín hết mặt bánh sau đó đập vung lại khoảng 1-2 phút mở vung ra. Lúc này bánh đã chín, dùng ống nứa dài 40-50cm, có đường kính khoảng 7-8cm đặt vào mép bánh đa, để bánh dính vào ống nứa, sau đó từ từ nắn tròn vào ống nứa, đưa ống nứa đặt vào phen, chiếc bánh đa trải đều trên phen .

Phơi và đóng gói

Khi phen nứa đã đặt đủ bánh mang ra phơi, khi bánh ướt thì dính vào phen, lúc khô bong ra, khi bánh khô thu bánh lại xếp theo từng xếp. Sau đó có khách thì đem nướng hoặc đem nướng rồi đóng gói lại.

Tỷ lệ làm bánh: 10 ống gạo làm được 100 bánh, trong 100 bánh tỷ lệ các loại nguyên liệu như sau:

- Gạo 10 ống

- Đường 4 kg
- Vừng 1 kg
- Lạc + dừa 1.5 kg
- Gừng 1 đến 2 gam

Yêu cầu :

Khi nướng chín các loại nhân như vừng, lạc, dừa, gừng toả mùi thơm hấp dẫn, đối với đường thì chất lượng bánh ngon hay không phụ thuộc vào đường. Nếu đường kính thì bánh trắng và ngon, nếu đường đen thì bánh có màu đen và không ngon.

Đến với Bình Giang du khách sẽ được thưởng thức những món ăn nổi tiếng của nơi đây. Người Bình Giang có câu: Bánh cuốn làng Mòi, bánh trôi làng Hạ, bún Me, chè Cậy. Đây là những món ăn bình dân nhưng rất được mọi người yêu thích, được coi là những món ăn ngon sau bánh đa đường của huyện .

#### **+ Bánh trôi làng Hạ**

Làng Hạ là làng Nhuận Trạch Đông thuộc xã Bình Minh, làm thường làm bánh trôi đem bán ở quán ven đường 194.

Trước đây bánh trôi làng Hạ thương được người dân làm vào ngày mùng 3 tháng 3-là ngày giỗ mẫu. Nhưng đến nay bánh được làm quanh năm để phục vụ du khách.

Nguyên liệu làm bánh: đường, bột gạo nếp, đỗ xanh

Cách làm: Gạo nếp được ngâm trong nước 1-2 tiếng, sau đó bỏ ra để ráo, cho vào cối xay thành bột, bột được nhào kỹ, cắt thành từng miếng nhỏ, lăn mỏng ra cho nhân vào giữa, lăn tròn lại. Đỗ xanh được bóc hết vỏ, đem đi đồ với đường, bỏ ra để nguội sau đó cho vào bánh. Đun một nồi nước sôi cho bánh vừa lăn xong vào nồi, đợi cho bánh được 3 lần chìm, 7 lần nổi vớt ra cho vào một bát nước nguội, sau đó vớt ra bày ra đĩa. Bánh ngon là bởi nước dùng, nước dùng trong có màu vàng óng, độ ngọt thanh nhẹ. khi ăn lẫn thì mùi vị của bánh và nước dùng hoà quyện vào nhau

Yêu cầu: vỏ bánh mỏng, nhân bánh ăn phải bùi, trang trí đẹp mắt.

### **+Bánh cuốn làng Mòi**

Làng Mòi thuộc xã Vĩnh Tuy, có nghề làm bánh cuốn nổi tiếng gần xa, món bánh cuốn làng Mòi được nhiều người yêu thích.

Nguyên liệu: bột gạo, hành khô, mỡ lợn

Cách làm: Gạo được xay ra thành bột nước, đun một nồi nước sôi, khi nước sôi để khuôn lên miệng nồi, người tráng sẽ múc bột đổ lên khuôn, dùng muôi dàn đều bánh ra, sao cho thật mỏng, đợi vung lại 1-2 phút cho bánh chín. Khi bánh chín dùng một chiếc que lăn bánh ra, xếp bánh lên nhau, khi đã hoàn thành xong cơn đoạn này, người làm bánh sẽ phi thơm hành, và rán mỡ lợn. Dùng que quét hành phi và một ít mỡ lợn lên trên từng lượt bánh.

Yêu cầu: bánh phải thật mỏng, bánh phải có màu của hành phi, ăn có vị ngậy của mỡ lợn.

### **2.2.3. Thực trạng khai thác**

#### **2.2.3.1. Tài nguyên**

Bình Giang là một huyện nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông hồng đất đai ở đây chủ yếu là đồng bằng phù sa màu mỡ, địa hình bằng phẳng, không có đồi núi, vì vậy huyện Bình Giang không thể phát triển loại hình du lịch núi. Hơn nữa địa hình của huyện Bình Giang là đồng bằng cho nên rất ít tài nguyên để có thể khai thác phát triển du lịch. Tuy nhiên trong những năm qua thì huyện cũng có một số điểm đã được khai thác vào mục đích du lịch như: tham quan sông thánh, đây là tên mà người dân nơi đây gọi. Sông Thánh thuộc thôn Ô Xuyên, xã Cổ Bì, thực ra đây chỉ là một khúc của sông Đình Hào, xung quanh khúc sông có nhiều mô đất lớn nổi lên, khúc sông này rất linh thiêng nên người dân nơi đây gọi như vậy. Tương truyền đây là nơi năm vị tướng quân theo hai bà Trưng đánh giặc lập được nhiều công, sau khi hai bà Trưng thua trận và tự vẫn, thì các vị quay về khúc sông này và mất tại đây, sau khi năm vị tướng mất thì người dân nơi đây lập đền thờ. Nước ở khúc sông này rất trong xanh, xung quanh có nhiều cây cối, hoa cỏ mọc lên đặc biệt



là hoa Lục Bình (hoa Bèo), rục rờ cả một khúc sông, thu hút rất đông du khách, đặc biệt là vào cùng thời gian lễ hội đèn Ô diễn ra. Theo thống kê mới nhất của xã Cổ Bì vào hai tháng 3 và tháng 4 năm 2010, xã đã đón 50 lượt khách đến đây tham quan, chủ yếu là người dân xung quanh xã và một số huyện lân cận như Gia Lộc. Ngoài ra một số điểm tham quan mới phát triển trong thời gian qua, đó là du lịch bằng thuyền trên sông Đình Hào, sông Sắt tham quan khung cảnh đồng quê, sông nước, kiến trúc nhà ở hai bên bờ sông. Nhưng số lượng khách không đông, chưa thu hút được khách tham quan. Số điểm du lịch tự nhiên được đưa vào khai thác phát triển du lịch còn hạn chế, bởi hầu hết các điểm này nằm ở xa trung tâm huyện, đường xá đi đến các điểm này còn khó khăn. Hơn thế nữa cơ sở lưu trú và ăn uống hầu như không có, không thể đáp ứng được nhu cầu tham quan của khách, đặc biệt là với khách từ nơi xa đến, khách muốn lưu trú qua đêm.

Ngoài ra địa hình đồng bằng còn thuận lợi cho việc vận chuyển khách, phát triển nông nghiệp tạo ra các sản vật, đặc sản phục vụ du lịch .

Mặc dù huyện Bình Giang đã khai thác được một số điểm tự nhiên vào phát triển du lịch, song xét trên phạm vi toàn huyện thì tài nguyên tự nhiên vẫn còn ở dạng tiềm năng, phát triển theo tính tự phát, chưa có quy hoạch cụ thể để phát triển .

Bình Giang là huyện có rất nhiều các di tích lịch sử văn hoá, đây là một điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Nhưng số di tích được đưa vào khai thác phục vụ du lịch còn rất hạn chế, chiếm khoảng 7% trong tổng số di tích có thể khai thác phát triển du lịch ở huyện Bình Giang. Một số di tích đang được khai thác vào phát triển du lịch: đình Mộ Trạch, đình Châu Khê, nhà thờ Sắt, đình Cậy, đình Mạc Xá, đình Cao Xá, nhà thờ dòng họ Nhữ. Đây là những địa điểm thu hút một số lượng lớn khách đến Bình Giang, là những địa điểm có đường vào tương đối thuận lợi, hơn nữa các di tích này có quy mô tương đối lớn, lưu giữ được nhiều giá trị văn hoá, lịch sử của dân tộc, của quê

huong. Xung quanh các điểm này có cảnh quan đẹp, thoáng mát và có các làng nghề, do vậy có sức hấp dẫn đối với du khách.

Song cũng như tài nguyên du lịch tự nhiên tài nguyên du lịch nhân văn của huyện cũng còn ở dạng tiềm năng chưa được khai thác một cách hợp lý nhằm phục vụ nhu cầu du lịch .

#### 2.2.3.2. Khách du lịch

Số lượng khách và đặc điểm của thị trường khách là các chỉ tiêu rất quan trọng để đánh giá mức độ phát triển của một điểm, cụm, tuyến du lịch của một địa bàn cụ thể, các chỉ tiêu về khách còn phản ánh mức độ hấp dẫn, tiềm năng thu hút khách của điểm du lịch đồng thời phản ánh xu hướng phát triển cũng như có thể kiểm nghiệm việc phát triển thị trường khách hiện tại đã đúng hướng chưa và phù hợp với điểm du lịch chưa.

Huyện Bình Giang là một huyện có nhiều tiềm năng thu hút khách du lịch bởi nơi đây có vị trí thuận lợi giáp các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng... lại có tiềm năng du lịch tự nhiên và nhân văn. Trong những năm gần đây Bình Giang đã thu hút được một số lượng khách du lịch. Ta có thể thấy qua bảng sau

**Bảng số 4: Lượng khách du lịch đến huyện Bình Giang**

( Đơn vị tính: lượt )

Năm	2008	2009
Khách nội địa	1687	2165
Khách quốc tế	100	150

Nguồn: Phòng Văn hoá Thông tin huyện Bình Giang

Bảng số liệu cho thấy số lượng khách nội địa đến với Bình Giang tăng lên từ 1687 lượt năm 2008, đến năm 2009 là 2165 lượt. Khách quốc tế từ 100 lượt năm 2008 tăng lên 150 lượt năm 2009. Như vậy có thể thấy số lượng khách nội địa tăng lên tương đối, nhưng lượng khách quốc tế thì lại tăng lên rất ít. Khách đến với huyện chủ yếu là khách nội địa, khách nội địa đến đây khá đa dạng, chủ yếu là khách đến từ các tỉnh lân cận, thường dừng chân

trong ngày không lưu trú qua đêm, mức chi tiêu của khách thấp khoảng từ 100 đến 150 nghìn/ người, lượng khách tập trung đông nhất vào các tháng đầu năm (các lễ hội của huyện thường diễn ra trong thời gian này) và những ngày cuối năm (đây là dịp lễ giáng sinh ở nhà thờ Sắt). Các địa điểm thu hút khách nhiều nhất là: lễ hội đình Mộ Trạch, lễ hội đình Châu Khê, làng nghề Châu Khê, làng gốm Cậy và nhà thờ Sắt, chiếm 90% số khách đến du lịch huyện.

Thành phần khách tập trung chủ yếu là nhóm khách hành hương về dự lễ hội, đến đền chùa, danh lam thắng cảnh để lễ thần, lễ phật, ngoài mục đích tâm linh còn mục đích tham quan, ngắm cảnh...Nhóm khách này thường là người trung tuổi, người già mức chi phí khá, có thời gian rảnh, ngoài ra còn có nhóm khách là học sinh sinh viên đến tham quan học tập nghiên cứu. Khách quốc tế đến Bình Giang không có nhiều, một số nhỏ đến với mục đích nghiên cứu các di tích lịch sử văn hoá như: người Nhật, người Trung Quốc, người Pháp...một số khác đến với mục đích tìm hiểu và ký kết hợp đồng kinh doanh, mua bán với các làng nghề.

### 2.2.3.3. Cơ sở vật chất kĩ thuật

#### – *Giao thông vận tải*

Mạng lưới giao thông vận tải được coi là huyết mạch của nền kinh tế, do vậy đây là một yếu tố quan trọng trong việc phát triển kinh tế. Mạng lưới giao thông vận tải cũng là một yếu tố quan trọng để phát triển du lịch. Mạng lưới giao thông vận tải của huyện Bình Giang phân bố tương đối đồng bộ về mặt không gian, có hệ thống đường bộ, đường sông thuận lợi.

+Quốc lộ 5 nối Hà Nội-Hải Dương-Hải Phòng, đây là tuyến đường quan trọng của đất nước, tuyến đường này chạy dọc qua huyện, đã giúp cho giao lưu kinh tế xã hội của huyện với các vùng khác trong tỉnh được thông suốt.

+ Tuyến đường 194 và quốc lộ 39B đã góp phần nối liền huyện Bình Giang với các huyện khác trong tỉnh, giúp cho việc giao lưu văn hoá và kinh tế giữa các vùng với nhau.

+Hệ thống đường liên thôn, liên xã ngày càng hoàn thiện và được nâng cấp mở rộng tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại sản xuất của nhân dân.

+ Nhiều tuyến đường giao thông dẫn vào các khu có thể khai thác phát triển du lịch đang được mở rộng như tuyến đường từ Sặt tới làng Vạc, tuyến đường từ Phủ Bình tới Cổ Bì...

+Về đường thủy: có sông Sặt, sông Cửu An, sông Đình Hào, ba con sông này là đường giao thông thủy của huyện Bình Giang. Bên cạnh các con sông này đều có bến như bến Sặt, bến Cây, bến chợ Hà. Hàng ngày các chuyến thuyền vẫn qua lại buôn bán.

Song hệ thống giao thông của huyện chưa được khai thác để phục vụ du lịch mà chủ yếu nhu cầu đi lại cho nhân dân, cho phát triển kinh tế là chính.

– *Thông tin liên lạc*

Mạng lưới thông tin liên lạc của huyện tương đối hoàn thiện, trong xu thế phát triển mạnh mẽ ngành bưu chính viễn thông của tỉnh và cả nước, hệ thống thông tin liên lạc của huyện Bình Giang cũng được đầu tư phát triển khá mạnh.

+Hiện nay ở toàn huyện Bình Giang có 18 điểm bưu điện văn hoá, với hệ thống các máy điện thoại cố định, có các cột sóng của các mạng điện thoại di động, đảm bảo phủ sóng toàn huyện, trong đó có 17 điểm bưu điện văn hoá xã, 1 bưu điện ở thị trấn. Hệ thống điện thoại và internet đã bắt đầu phát triển đến các điểm dân cư. Do du lịch trong tỉnh chưa phát triển nên hệ thống thông tin liên lạc mới chỉ phục vụ nhu cầu của nhân dân và nhu cầu phát triển kinh tế của huyện.

– *Cơ sở lưu trú*

Hệ thống nhà nghỉ của huyện hiện nay chỉ có quy mô vừa và nhỏ tập chung chủ yếu ở thị trấn Kè Sặt và thị tứ Phủ Bình. Bao gồm 10 nhà nghỉ, với 47 phòng đang hoạt động trên địa bàn huyện. Hệ thống các nhà nghỉ, nhà trọ bình dân này đã góp phần giải quyết vấn đề lưu trú của một lượng khách có nhu cầu lưu trú tại huyện. Nhưng hầu hết các nhà nghỉ phần lớn quy mô nhỏ,

bình dân, trang thiết bị ở mức trung bình, cũng có một số nhà nghỉ lớn phục vụ được một số lượng khách lớn như: nhà nghỉ Hoàng Dương, nhà nghỉ Tân Bình... Hiện nay các nhà nghỉ chủ yếu phục vụ cho khách qua đường với thời gian lưu trú ngắn.

– *Cơ sở nhà hàng phục vụ ăn uống*

Các nhà hàng, quán ăn của huyện tập trung ở hai điểm lớn là thị trấn Kê Sặt và thị tứ Phủ Bình, quanh hai nơi này có chợ, siêu thị thuận lợi cho nhu cầu ăn uống của du khách, đa số phục vụ những món ăn đơn giản, gần gũi với đời sống của người nông dân. Theo số liệu thống kê năm 2009 của phòng thống kê huyện Bình Giang thì hiện nay trên địa bàn huyện có khoảng 50 nhà hàng với quy mô vừa và nhỏ, chỉ đáp ứng được cho một lượng nhỏ khách, khách của các cơ sở này chủ yếu là khách qua đường, khách lưu trú trong thời gian ngắn. Hơn thế chất lượng phục vụ tại các cơ sở kinh doanh ăn uống chưa cao, chưa quan tâm đến chất lượng phục vụ khách. Hiện nay huyện đang có phát triển dự án xây dựng khu chợ Phủ thành một khu chợ lớn của vùng, tạo điều kiện phát triển kinh tế, đồng thời làm cơ sở thúc đẩy du lịch huyện phát triển.

– *Cơ sở vui chơi giải trí*

Hiện nay huyện chưa có một khu vui chơi giải trí nào với quy mô lớn để phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của khách du lịch, chỉ có những khu vui chơi nhỏ phục vụ nhu cầu của người dân trong huyện. Theo thống kê năm 2009 của phòng văn hoá thông tin huyện Bình Giang thì huyện có 100 trăm cơ sở vui chơi giải trí, chủ yếu là các quán, bar, phòng hát karaoke tập trung ở thị trấn Kê Sặt và thị tứ phủ Bình đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong huyện và một số nhỏ khách. Các cơ sở vui chơi giải trí này chủ yếu do cá nhân xây dựng lên nên quy mô nhỏ công suất không lớn vì vậy không được khai thác cho hoạt động du lịch của huyện.

– *Hệ thống cung cấp điện, nước*

+ Điện: toàn bộ các xã trong huyện được lắp đặt và sử dụng mạng lưới điện quốc gia, hệ thống lưới điện của huyện không ngừng được đầu tư nâng cấp so với những năm trước phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân và góp phần phát triển du lịch huyện.

+Nước: hệ thống nước máy đã có mặt ở thị trấn và một số xã trong huyện như: Hồng Khê, Cổ Bì, Nhân Quyền, Bình Minh...các nhà máy lấy nước từ sông hoặc nước ngầm qua sử lý để phục vụ nhân dân. Ngoài ra ở xã Cổ Bì còn có trạm bơm tiêu úng của cả huyện nhằm phục vụ nhu cầu phát triển nông nghiệp của huyện.

– Y tế: huyện có một bệnh viện lớn là bệnh viện Mỹ, với các trang thiết bị tương đối đầy đủ đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Các xã trong huyện thì đều có trạm y tế với các bác sĩ, y sĩ được đào tạo có chuyên môn nghiệp vụ, trang thiết bị tương đối đầy đủ .

– Giáo dục: Trên địa bàn huyện thì 100% xã đều có trường học. Trên địa bàn huyện có 18 trường tiểu học, trung học cơ sở, 3 trường trung học phổ thông là trường trung học phổ thông Bình Giang, trung học phổ thông Đường An, trung học phổ thông Kẽ Sắt. Trong đó trường trung học phổ thông Bình Giang được đánh giá là trường đứng thứ 2 sau trường Nguyễn Trãi về chất lượng giáo dục và tỷ lệ học sinh đỗ đại học, cao đẳng, trung cấp cao của tỉnh Hải Dương .

#### 2.2.3.4. Dân số và lao động

Nhân tố con người luôn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của mỗi quốc gia, sự phát triển ngày càng lớn mạnh của du lịch đã tạo ra một nhu cầu rất lớn về sử dụng lao động phục vụ hoạt động du lịch, dịch vụ du lịch. Điều này góp phần không nhỏ trong việc xếp loại lao động, tạo công ăn việc làm cho số lượng lao động đang có xu hướng dư thừa, khắc phục tình trạng thất nghiệp .

Là một huyện thuần nông với dân số là 105.100 người, mật độ là 1.003 người/km<sup>2</sup>. mật độ dân số trong huyện phân bố không đều, dân tập

trung đông ở thị trấn Kè Sặt và thị tứ Phủ Bình. Số người trong độ tuổi lao động là 70.6 nghìn người, chiếm 52.5% trong tổng số dân của huyện Bình Giang. Tỷ lệ tăng dân số trung bình là 1.1%, trong những năm gần đây nhờ có chính sách kế hoạch hoá gia đình mà tỷ lệ này đã giảm xuống còn 1.07%. Tỷ lệ người có trình độ trung cấp, cao đẳng chiếm 4.5%, đại học trở lên chiếm 3.2%.

Hầu hết lao động phục vụ trong ngành du lịch của huyện không có nhiều, không có trình độ chuyên môn, không có khả năng giao tiếp với khách do không được đào tạo, trình độ ngoại ngữ thấp, khả năng giao tiếp kém. Lao động hoạt động trong lĩnh vực của huyện chủ yếu là nhân viên của Phòng Văn hoá Thông tin huyện Bình Giang, và một số người trông coi các điểm du lịch, các di tích lịch sử văn hoá, họ chính là những hướng dẫn viên tại điểm tốt nhất, thông hiểu nhất về điểm du lịch để có thể giới thiệu cho khách về điểm tham quan. Tuy nhiên số lao động này vẫn chưa được sử dụng một cách hiệu quả cho mục đích phát triển du lịch của huyện.

#### 2.2.3.5. Kết quả hoạt động kinh doanh

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của huyện và của tỉnh thì vị trí mà ngành du lịch huyện hiện nay chưa tương xứng với những gì đang có, du lịch chưa khẳng định được vai trò là ngành kinh tế quan trọng của địa phương, đóng góp chưa đáng kể trong cơ cấu GDP chung của toàn huyện. Kinh tế Bình Giang năm 2009 đã có sự tăng trưởng, mức tăng trưởng này đạt gần 1.166 tỷ đồng, tăng 10.5%. Trong đó nổi bật cho sự tăng trưởng đó là ngành công nghiệp và TTCN, giá trị sản xuất công nghiệp và TTCN toàn huyện năm 2009 đạt trên 200 tỷ đồng, tăng 14.2% so với năm trước, ngành dịch vụ có tăng nhưng không nhiều, đặc biệt ngành nông nghiệp là ngành chủ đạo của huyện nhưng cũng đã có sự giảm xuống từ 39.27% năm 2008 xuống 36.9% năm 2009. Huyện đang phấn đấu năm 2010 tăng trưởng giá trị sản xuất từ 10.5% lên 11% nâng cao tỷ trọng công nghiệp –TTCN và dịch vụ chiếm 34.8-35.55% và 29.7%.

Kinh tế của huyện đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ tỷ trọng của ngành nông nghiệp đang có xu hướng giảm, tỷ trọng của ngành công nghiệp và tiểu thủ công, dịch vụ đang có xu hướng tăng lên, tuy nhiên tỷ trọng này tăng không đáng kể. Nhưng nhìn một cách khách quan và tổng thể cho thấy nông nghiệp vẫn đang là ngành kinh tế chủ đạo của huyện chiếm 39.27% (năm 2008) và 36.9% (năm 2009).

Tính đến nay doanh thu của ngành du lịch huyện chưa được thống kê riêng, nó được tính chung với ngành dịch vụ cho nên thu nhập từ hoạt động du lịch của huyện không cao, chủ yếu là nguồn doanh thu từ khách nội địa. Chính vì vậy xét trên tính hiệu quả về kinh tế thì du lịch của huyện là ngành kinh tế đem lại hiệu quả kinh tế không cao.

Về mặt xã hội du lịch đóng góp và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Tuy nhiên ngành du lịch của huyện phát triển còn ở dạng tiềm năng, số lao động tham gia vào du lịch không nhiều chất lượng nguồn lao động còn nhiều hạn chế, đa số hoạt động theo phong trào tại các điểm du lịch, dịch vụ nổi tiếng của huyện .

#### 2.2.3.6. Sản phẩm du lịch

Hoạt động trong cơ chế thị trường việc xây dựng các sản phẩm du lịch, đặc biệt là các sản phẩm du lịch đặc thù là một trong những yếu tố rất quan trọng quyết định sự thành công của kinh doanh du lịch. Đối với huyện Bình Giang, do đang ở giai đoạn đầu của sự phát triển nên các sản phẩm cụ thể có tính đặc trưng là chưa rõ ràng. Việc khai thác các tài nguyên cần có sự kết hợp với nhau để tạo thành những sản phẩm du lịch hấp dẫn du khách, đặc biệt là sản phẩm của các làng nghề. Huyện Bình Giang có rất nhiều làng nghề khác nhau, do vậy sản phẩm của các làng nghề cũng rất phong phú, đa dạng. Nếu khai thác được sản phẩm của các làng nghề vào phát triển du lịch thì đây sẽ là một lợi thế rất lớn để thu hút khách du lịch. Tuy nhiên việc tạo ra các sản phẩm du lịch, và các hoạt động bán đồ lưu niệm, vật phẩm của huyện hầu như



không có. Do chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các tuyến du lịch cho nên chưa tạo ra được những sản phẩm du lịch hấp dẫn du khách.

#### 2.2.3.7. Công tác quảng cáo, xúc tiến đầu tư du lịch

Thời gian qua, các cơ quan chức năng và người dân địa phương rất chú trọng trong công tác tuyên truyền quảng bá du lịch huyện, nhằm tuyên truyền các chính sách ưu tiên khuyến khích các tổ chức, các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động kinh doanh du lịch tại Bình Giang. Tuy nhiên công tác quảng bá vẫn còn nhiều hạn chế, chưa quảng bá được hình ảnh Bình Giang cho công chúng biết. Vì vậy mà lượng khách du lịch đến đây còn hạn chế.

Đầu tư là đòn bẩy thúc đẩy các ngành kinh tế nói chung và du lịch nói riêng. Huyện đã đầu tư xây dựng đường vào và tu bổ một số điểm du lịch. Vì vậy việc đi lại tới các điểm du lịch thuận tiện hơn. Ngoài ra, mở rộng các điều kiện thu hút đầu tư dịch vụ du lịch, thương mại đối với mọi thành phần kinh tế trong và ngoài huyện, đặc biệt là các dự án đầu tư du lịch... Tuy nhiên, hiện nay công tác xúc tiến đầu tư du lịch còn nhiều hạn chế, chưa có chính sách thu hút các nhà đầu tư vào phát triển nơi đây.

#### 2.2.3.8. Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội

Cho đến nay du lịch Bình Giang chưa thực sự phát triển, ở một số xã trên địa bàn huyện có những điểm du lịch đang được khai thác, song việc khai thác các tài nguyên đó cho phát triển du lịch chỉ mang tính tự phát, không có quy hoạch. Do vậy vấn đề môi trường đang là vấn đề cấp bách. Do không có sự quản lý của các cấp ngành có chuyên môn cho nên tại các điểm du lịch này xảy ra những hiện tượng phá hoại cảnh quan thiên nhiên như việc vứt rác bừa bãi của du khách xuống sông làm ô nhiễm nguồn nước, mất mỹ quan. Đối với tài nguyên du lịch nhân văn, vào các mùa lễ hội nơi đây thu hút một số lượng lớn du khách, cho nên số lượng rác thải cũng gia tăng làm ô nhiễm bầu không khí, những hành động thiếu ý thức của du khách như viết bậy lên hiện vật, bẻ gãy hiện vật... đã làm cho các di tích xuống cấp.

Mặc dù đã có những thay đổi về nhận thức đối với tầm quan trọng của hoạt động phát triển du lịch trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nhưng thực tế cho thấy nhận thức của xã hội, đặc biệt của nhà quản lý còn có những bất cập, nhận thức của cộng đồng, dân cư nhất là dân cư vùng trọng điểm du lịch vì lợi ích trước mắt ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường còn ít được quan tâm .

Một vấn đề khác cần phải đề cập đến đó là tình trạng người ăn xin, trẻ lang thang, trộm cắp lôi kéo người gây ra nhiều cảnh tượng không đẹp. Nếu hiện tượng này không được giải quyết thì các điểm du lịch sẽ đánh mất khách du lịch.

#### 2.2.4. Đánh giá chung

Bình Giang là huyện có nhiều tiềm năng phát triển du lịch, huyện có tài nguyên tự nhiên tuy không phong phú nhưng cũng có thể khai thác để phát triển loại hình du lịch sinh thái, tham quan, du lịch đồng quê như tuyến du lịch sinh thái sông Đình Hào, du lịch tham quan sông Thánh, du thuyền theo dòng sông Sặt tới sông Cậy tham quan các công trình kiến trúc, làng nghề, phong cảnh, sông nước hữu tình.

Huyện Bình Giang còn có vị trí tương đối thuận lợi nằm trên quốc lộ 5 nối Hà Nội -Hải Phòng, quốc lộ 39B và tuyến đường cao tốc đang xây dựng đi qua địa phận của huyện, bốn mặt đều có sông bao quanh, sông Kẻ Sặt ở phía bắc, sông Đình Hào, sông Đào ở phía đông, sông Cửu An ở phía tây, sông Cầu Lâm, sông Cầu Cốc ở phía nam, vị trí này tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế và du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn của huyện rất phong phú, trong huyện có rất nhiều các di tích lịch sử văn hoá thuận lợi cho phát triển du lịch văn hoá, tham quan, du lịch nghiên cứu theo chuyên đề...

Tuy nhiên huyện cũng gặp nhiều khó khăn trong việc khai thác các tài nguyên này cho mục đích phát triển du lịch. Chính những hạn chế này mà huyện chưa đánh thức được hết tiềm năng và chưa khai thác hết nguồn tài

nguyên du lịch hiện có, nên du lịch của huyện chưa có bước chuyển biến nào đáng kể .

Huyện có nhiều di tích lịch sử văn hoá nhưng hiện nay đang xuống cấp, nhiều di tích bị hư hại nặng nhưng không có một quy hoạch tổng thể để nâng cấp các di tích này nhằm mục đích phát triển du lịch. Vấn đề đặt ra là phải có những chính sách đầu tư, tôn tạo các di tích để có thể phục vụ du lịch.

Hiện tại cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật của huyện chưa đáp ứng được cho phát triển du lịch như trong huyện còn ít nhà nghỉ, khách sạn gây trở ngại lớn tới nhu cầu nghỉ ngơi của khách du lịch.

Thêm vào đó đội ngũ hướng dẫn viên, cán bộ làm trong lĩnh vực du lịch của huyện còn ít, trình độ chuyên môn không cao không được đào tạo chuyên sâu về du lịch, thiếu hướng dẫn viên tại điểm. Bên cạnh đó ý thức của người dân địa phương không cao trong việc bảo vệ và gìn giữ các tài nguyên du lịch.

Thiếu các hoạt động dịch vụ du lịch như: phòng đón tiếp khách tại các điểm du lịch, cửa hàng bán đồ lưu niệm phục vụ khách tại các khu du lịch.

Để du lịch Bình Giang phát triển ,thì điều quan trọng hiện nay là sự quan tâm của các cơ quan chuyên môn cấp huyện và tỉnh trong việc đưa du lịch huyện đi lên, đem lại hiệu quả kinh tế cao, ổn định nền kinh tế xã hội của huyện.

## **TIÊU KẾT CHƯƠNG II**

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử vùng đất Bình Giang vẫn kiên cường đứng vững và đang từng bước phát triển. Với vị trí thuận lợi nằm trong vùng tam giác kinh tế Hà Nội-Hải Dương-Hải Phòng, Bình Giang đang vươn mình chỗi dậy. Huyện Bình Giang có tài nguyên tự nhiên và nhân văn phong phú để phát triển du lịch. Với vị trí thuận lợi và có nguồn tài nguyên phong phú như vậy huyện có thể liên kết với các huyện, tỉnh khác tạo thành các tour du lịch hấp dẫn du khách. Tuy nhiên hiện nay du lịch Bình Giang chưa phát triển, vẫn ở dạng

tiềm năng, việc khai thác các tài nguyên này cho hoạt động du lịch còn chưa đúng hướng, chưa phát huy được hết tiềm năng của đối tượng.

Trên cơ sở phân tích một số tài nguyên du lịch, thực trạng khai thác, đề từ đó đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong việc khai thác tài nguyên phục vụ du lịch. Đề đề ra các phương hướng, giải pháp thích hợp thúc đẩy du lịch huyện Bình Giang phát triển.

## **CHƯƠNG III : ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN BÌNH GIANG**

### **3.1. Định hướng**

#### ***3.1.1. Định hướng tổ chức không gian du lịch***

Vấn đề tổ chức không gian du lịch dựa trên những giá trị và sự phân bố của các nguồn tài nguyên du lịch, của kết cấu hạ tầng, nhu cầu của khách du lịch. Tổ chức lãnh thổ du lịch phải gắn liền với sự phát triển không gian kinh tế, xã hội của vùng lãnh thổ nghiên cứu và mối quan hệ kinh tế với vùng phụ cận, đảm bảo các hoạt động du lịch trong phạm vi tổng thể để có kế hoạch phát triển du lịch phù hợp. Trên cơ sở định hướng phát triển du lịch theo lãnh thổ sẽ tạo được những sản phẩm du lịch mang tính đặc thù nhằm thu hút khách ngày càng nhiều.

Nhiệm vụ cụ thể của tổ chức không gian du lịch là việc hình thành các điểm, cụm, tuyến du lịch, nhằm xác định đúng không gian thuận lợi để ưu tiên đầu tư phát triển du lịch, sự đồng bộ về cơ sở vật chất du lịch và chất lượng dịch vụ, tổ chức không gian lãnh thổ du lịch Bình Giang có thể tạo ra một số sản phẩm mang ý nghĩa địa phương làm phong phú hơn hành trình và sự nhận biết của du khách khi có điều kiện và thời gian lưu trú dài hơn. Ngoài ra tổ chức không gian du lịch còn chỉ ra các dự án phát triển du lịch phát triển du lịch với mức độ và qui mô đầu tư khác nhằm khai thác đồng bộ và có hiệu quả tiềm năng du lịch của huyện .

#### ***3.1.2. Định hướng tổ chức các loại hình du lịch***

Một trong những hạn chế trong phát triển du lịch của huyện Bình Giang là tài nguyên du lịch tự nhiên. Vì vậy để thúc đẩy du lịch Bình Giang phát triển thì cần phải phát huy những lợi thế mà huyện có để khắc phục những hạn chế.

Xây dựng các tuyến điểm tham quan với nhiều chương trình du lịch phong phú, trước mắt tập trung vào một số điểm có thể phát triển du lịch liên kết.

Đa dạng hoá các loại hình du lịch trên cơ sở nguồn tài nguyên sẵn có, làm cho chuyến du lịch trở lên hấp dẫn, thu hút khách du lịch.

Khai thác các giá trị nhân văn vào phát triển các loại hình du lịch như:

+ Phát triển du lịch văn hoá lễ hội, tổ chức các lễ hội truyền thống để thu hút du khách.

+ Du lịch làng nghề, huyện Bình Giang rất nhiều làng nghề có thể đưa vào phát triển du lịch. Một số làng nghề của huyện đang thu hút du khách như: làng nghề vang bạc Châu Khê, gốm sứ Cây, lược Vạc...

+ Du lịch tham quan các cảnh đẹp, các di tích, làng nghề của huyện

+ Du lịch nghiên cứu, chủ yếu tập trung ở một số điểm là làng Mộ Trạch, làng Hoạch Trạch, làng gốm sứ Cây, làng vàng bạc Châu Khê, đây là những nơi còn lưu giữ lại nhiều di vật cổ. Khách du lịch loại hình du lịch này chủ yếu là sinh viên, học sinh, những nhà nghiên cứu ...

+ Du lịch mua sắm, ở huyện có 2 khu chợ lớn là chợ Kẽ Sắt và chợ Phủ với siêu thị nằm trong khu vực chợ Phủ, các chợ này có đầy đủ các loại mặt hàng để khách có thể lựa chọn như hàng thủ công truyền thống, các nông sản, sản phẩm may mặc ...

+ Phát triển du lịch đồng quê, du lịch tham quan .

Bên cạnh phát triển riêng từng loại tài nguyên, thì cần kết hợp phát triển du lịch nhân văn và tự nhiên với nhau.

## **3.2. Giải pháp**

### ***3.2.1. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng***

Do các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch thường ở các vùng nông thôn nên điều kiện tiếp cận gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới hiệu quả khai thác để phát triển du lịch. Vì vậy vấn đề đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật không chỉ có ý nghĩa kinh tế, xã hội mà có ý nghĩa đảm bảo cho sự phát triển bền vững của điểm du lịch .

Kết hợp với địa phương đầu tư cải thiện cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng vào nơi có điểm du lịch, tập trung khai thác cho hoạt động du lịch .

+ Nâng cấp đường giao thông từ Lai Cách về Phủ, đây là con đường chính nối các điểm du lịch của huyện Bình Giang với huyện Cẩm Giàng.

+ Nâng cấp con đường từ Sặt về Châu Khê, đây là con đường chính dẫn khách đến với làng nghề vàng, bạc Châu Khê.

+ Nâng cấp con đường từ Sặt về Thanh Miện

+Đầu tư xây dựng một số nhà nghỉ, cơ sở ăn uống, vui chơi giải trí nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

+ Tăng cường hệ thống điện nước, đảm bảo nguồn điện phải dồi dào, nguồn nước phải đảm bảo đầy đủ, sạch sẽ hợp vệ sinh cho khách .

+ Thông tin liên lạc cần đầu tư xây dựng các trạm điện thoại công cộng, xây dựng trạm văn hoá, thông tin gần điểm du lịch, giúp cho khách thuận tiện trong việc trao đổi thông tin một cách tốt nhất.

+ Xây dựng mới các cơ sở phục vụ cho du lịch như cơ sở lưu trú, bến thuyền, bãi đậu xe ở một số điểm chính như: thị trấn Kẻ Sặt, thị tứ Phủ Bình, làng Châu Khê, làng gốm Cậy...

### ***3.2.2. Bảo tồn các di tích lịch sử văn hoá***

Tài nguyên du lịch nhân văn có sức hấp dẫn đối với du khách, đặc biệt là khách quốc tế. Tuy nhiên các tài nguyên du lịch nhân văn này dễ bị tổn hại trước các tác động của môi trường và thiên nhiên, khó khôi phục lại được như ban đầu. Vì vậy phải có sự kết hợp hài hoà giữa khai thác và đầu tư, tôn tạo nhằm giữ gìn được bản sắc dân tộc qua những sản phẩm du lịch.

Trước hết cần kêu gọi vốn đầu tư để trùng tu, sửa chữa lại những di tích bị hư hại, xuống cấp, cần có một ban quản lý về di tích, lập danh sách những di tích cần được bảo vệ. Việc trùng tu các di tích phải hợp lý nhằm giữ lại được những nét kiến trúc ban đầu, việc xây dựng một công trình mới cần phải phù hợp với kiến trúc cũ, đồng thời cũng không tách khỏi cảnh quan xung quanh.

Công tác trùng tu phải được tiến hành kịp thời, tránh việc các di tích này xuống cấp nghiêm trọng mới trùng tu, vừa gây lãng phí vừa làm giảm giá trị của di tích .

Bên cạnh đó cần giáo dục nhân dân về ý thức, trách nhiệm bảo vệ các di tích. Kêu gọi nhân dân tích cực tham gia bảo vệ và trùng tu các di tích, trên cơ sở giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống của quê hương .

Tuyên truyền với du khách đến các điểm du lịch này về ý thức bảo vệ các di tích .

### **3.2.3. Giải pháp phát triển các làng nghề**

– Đẩy mạnh công tác bảo tồn làng nghề

Các làng nghề truyền thống của huyện Bình Giang đã tồn tại hàng trăm năm, đã trải qua nhiều bước phát triển dưới nhiều triều đại khác nhau. Ngày nay trong xu thế mở cửa thì nghề thủ công truyền thống lại có một vị trí quan trọng trong nền kinh tế của đất nước. Công tác khôi phục, bảo tồn cần được thực hiện :

+ bảo tồn, bảo quản các làng nghề

+ xây dựng bảo tàng làng nghề với quy mô vừa phải, vừa trưng bày các sản phẩm làng nghề của các xã trong huyện vừa bán các sản phẩm đó .

+ xây dựng các điểm du lịch, tham quan nơi có các làng nghề thủ công truyền thống .

+ khôi phục lại các lễ hội làng nghề truyền thống, để giới thiệu với khách về làng nghề.

–Tập trung đầu tư xây dựng phát triển làng nghề và du lịch làng nghề

Để làng nghề phát triển đi vào sản xuất có nề nếp thì không chỉ đòi hỏi có các dự án quy hoạch phát triển mà còn cần có nguồn vốn đầu tư để phát triển .

Nguồn vốn này được sử dụng vào việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc sản xuất ở các nghề, để tạo ra các sản phẩm độc đáo, đặc sắc của vùng .



Bên cạnh đó cần xây dựng các tour du lịch làng nghề, nối kết các làng nghề trong huyện với các làng nghề khác trong tỉnh và ngoài tỉnh.

–Tăng cường quảng bá cho làng nghề

Hiện nay hoạt động quảng bá cho các sản phẩm làng nghề chưa phát triển, để có thể thúc đẩy các làng nghề phát triển thì cần có một chiến lược quảng bá rộng rãi, trước hết cần khẳng định thương hiệu của làng nghề, xây dựng các web của làng nghề .

Các làng nghề phải chủ động tham gia vào các liên hoan du lịch làng nghề, các hội chợ giới thiệu sản phẩm thủ công truyền thống, các cuộc thi về làng nghề tổ chức hàng năm.

#### ***3.2.4. Xây dựng các tour du lịch liên huyện, liên tỉnh***

Huyện Bình Giang có một vị trí thuận lợi cho việc giao lưu, phát triển kinh tế, văn hoá với các huyện, tỉnh khác trong cả nước. Với vị trí thuận lợi này Bình Giang có điều kiện để dựng các tour du lịch liên huyện, liên tỉnh. Có thể xây dựng một số tour du lịch như:

–Tour du lịch Bình Giang – Cẩm Giàng

+Đình Mộ Trạch– Đình Cậy– thăm làng gốm sứ Cậy– Văn miếu Mao Điền,Chùa Xưa

+ Nhà thờ Sặt – Chùa Phú Đa – làng gốm sứ Cậy – khu di tích đại danh y Tuệ Tĩnh

–Tour du lịch Bình Giang – Gia Lộc

+ Đền Ô- Đầm Bèo– Đầm Lau– Đảo Ngũ Hành– Đình Yết Kiêu

+ Đình phú Khê – Đình Trinh Nữ- Đền Ô – Đình Yết Kiêu – Đình Phương Điểm

–Tour du lịch Bình Giang – Thanh Miện

+ Đình Mộ Trạch – thăm làng lược Vạc – Nhà thờ họ Nhữ – Khu tưởng niệm đồng chí Nguyễn Lương Bằng – đảo cò

–Tour du lịch Bình Giang – Hưng Yên

+ Nhà thờ Sặt – làng nghề Châu Khê – Đình, chùa Châu Khê – Đền Ủng

### **3.2.5. Tăng cường xúc tiến quảng bá cho điểm du lịch**

Quảng cáo như là cách tiếp cận nhằm tuyên truyền cho các điểm du lịch, sản phẩm du lịch và mở rộng thị trường. Công tác tuyên truyền quảng bá phải đạt được mục tiêu là giới thiệu đến mọi người về hình ảnh con người, phong cảnh thiên nhiên của điểm du lịch. Có rất nhiều hình thức quảng bá như:

+ Biên soạn và phát hành sách báo, tạp chí có chất lượng và thông tin chính xác về du lịch Bình Giang, giới thiệu về cảnh quan, con người Bình Giang, cung cấp các thông tin cần thiết cho khách như: thông tin về các điểm lưu trú, nhà hàng, điểm vui chơi.

+ Quảng cáo trên panô, áp phích, tờ rơi, hình thức quảng bá này đặc biệt mang lại hiệu quả cao bởi nó chứa đựng và cung cấp các thông tin cần thiết nhất cho du khách, giúp cho khách biết đến và hình dung về điểm du lịch, mặt khác hình thức này tốn ít chi phí .

+ Đưa tin bài, hình ảnh, tư liệu về lịch sử văn hoá, các di tích, các danh lam thắng cảnh của huyện trên phương tiện nghe, nhìn, đài phát thanh, đài truyền hình. Bên cạnh đó cần xây dựng trang web về du lịch của huyện, để du khách có thể vào trang web này tìm thông tin.

+ Dựng các bảng lớn có in hình ảnh của vùng đất Bình Giang ở các đường quốc lộ lớn, địa điểm quan trọng và tập trung nhiều người như bến xe, nhà ga, điểm nút giao thông...

+ Tiến hành tổ chức các lễ hội, sự kiện văn hoá ở địa phương như lễ hội làng nghề Châu Khê, Cậy, làng tiến sĩ....

+ Tiến hành tổ chức các buổi hội chợ, văn nghệ tại huyện, thị xã, thành phố khác nhằm quảng bá hình ảnh của huyện tới các địa phương khác.

+ Tham gia vào các hội nghị, hội thảo và hội chợ du lịch để tuyên truyền, tiếp thị sản phẩm đến mọi người .

### **3.2.6. Giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực**

Du lịch là một ngành kinh tế đòi hỏi phải có sự giao tiếp rộng và trực tiếp với khách, đòi hỏi trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ giao tiếp của

nhân viên du lịch. Vì vậy đòi hỏi nguồn nhân lực của ngành du lịch phải được đào tạo nâng cao kiến thức nghiệp vụ và chuyên môn.

Để nâng cao giá trị hiệu quả khai thác tài nguyên du lịch huyện thì cần tiến hành giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch. Hiện nay trên địa bàn huyện đội ngũ cán bộ công nhân viên chức phục vụ cho du lịch không nhiều chủ yếu quản lý trong lĩnh vực du lịch là phòng văn hoá thông tin huyện, với đội ngũ nhân viên không nhiều. Một số biện pháp để giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực:

+ Điều tra phân loại trình độ nghiệp vụ của toàn thể cán bộ nhân viên và lao động hiện đang làm việc trong lĩnh vực du lịch, kết quả điều tra sẽ cho phép đưa ra những kế hoạch đào tạo cụ thể các cấp trình độ chuyên ngành.

+ Đào tạo một đội ngũ quản lý và điều hành để quản lý các vấn đề về du lịch, tài nguyên, di tích ... Đây là những người sẽ cung cấp những kiến thức về du lịch, nhu cầu du lịch, phong tục tập quán, phong cách ứng xử, một số kỹ năng khác..

+ Tăng cường việc trao đổi học tập kinh nghiệm quản lý kinh doanh du lịch qua các huyện, tỉnh bạn, thông qua các hội thảo về du lịch...

+ Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, mở các lớp ngắn hạn, dài hạn tại địa phương, kết hợp với các cơ sở đào tạo có chất lượng để đào tạo.

+ Cử các nhân viên cán bộ có năng lực đi học tập tại các nước có ngành du lịch phát triển để đào tạo trình độ đại học và sau đại học, cũng như để thực tập, học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Đối với đội ngũ hướng dẫn viên cần phải tuyển chọn và đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ của một hướng dẫn viên, cần cho họ hiểu sâu sắc về lịch sử truyền thống của quê hương để từ đó họ có động lực hoàn thành tốt công việc.

### **3.2.7. Nâng cao hiểu biết và thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch**

Dân cư địa phương là một nhân tố quyết định sự phát triển của du lịch. Chính vì lẽ đó mà nâng cao sự hiểu biết và hướng họ vào hoạt động du lịch là rất cần thiết.

Cần tiến hành những biện pháp tuyên truyền sâu rộng tới nhân dân để họ thấy được lợi ích của việc tham gia vào hoạt động du lịch tại địa phương, đảm bảo lợi ích cộng đồng, làm cho người dân hiểu được giá trị mà họ thu được từ phát triển du lịch, để từ đó họ tích cực, tự nguyện, chủ động tham gia vào hoạt động phát triển du lịch.

Muốn có được điều đó thì cần phải cung cấp, những thông tin, những kiến thức cho người dân, bằng cách đào tạo cho họ những kỹ năng, kiến thức cơ bản về du lịch, không lên đòi hỏi quá cao đối với họ như vậy sẽ tạo lên áp lực và những tiêu cực không đáng có.

Muốn thu hút cộng đồng dân cư vào hoạt động du lịch trước hết cần quan tâm đến điều kiện của họ, xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và có chính sách hỗ trợ phát triển.

### **3.2.8. Bảo vệ tài nguyên môi trường tự nhiên**

Việc bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên sẽ đảm bảo cho hoạt động du lịch được lâu dài. Cần làm được điều này thì cần thực hiện những công việc sau

+ phát triển loại hình du lịch thân thiện với môi trường: du lịch sinh thái, du lịch tham quan, du khảo đồng quê... Tại các điểm du lịch thì cần tích cực tham gia công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường bằng tờ rơi, tập gấp, đặt nhiều thùng rác với những hình thù con vật lạ mắt để thu hút du khách. Chính quyền địa phương nơi có điểm du lịch cần có những chính sách quản lý chặt chẽ những dự án, những công trình đang triển khai, yêu cầu phải cam kết đánh giá tác động đến môi trường và những biện pháp bảo vệ môi trường.

+ Thường xuyên tiến hành điều tra, đồng thời cần áp dụng chặt chẽ luật môi trường, thu phí môi trường, sử dụng công cụ tài chính như thưởng phạt để tái đầu tư cho bảo vệ môi trường. Có những biện pháp giảm bụi, giảm tiếng ồn bằng việc trồng cây xanh ở những di tích, cấm chặt phá cây cối...

+ Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch, cải thiện đời sống nâng cao trách nhiệm với tài nguyên, môi trường du lịch. Người dân địa phương cùng phối kết hợp với ngành du lịch chăm lo đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của du lịch.

### **TIỂU KẾT CHƯƠNG III**

Mỗi một vùng, một điểm khi tiến hành xây dựng dự án phát triển du lịch đều phải đề ra các định hướng và giải pháp phù hợp với thực tế để các dự án đều có thể thực hiện được.

Đối với huyện Bình Giang để hoạt động du lịch có thể phát triển được thì cần có những định hướng và biện pháp phù hợp để từ đó tạo đà cho phát triển du lịch và kinh tế của huyện. Chương III đã nêu ra một số định hướng và giải pháp với mục đích kêu gọi vốn đầu tư để phát triển du lịch huyện, đồng thời quảng bá hình ảnh Bình Giang tới du khách và hy vọng trong tương lai Bình Giang sẽ là điểm đến của nhiều du khách.

## **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Bình Giang là một địa phương có tiềm năng lớn cho phát triển du lịch, nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn của huyện dồi dào, đặc sắc, có sức hấp dẫn đối với du khách. Dựa trên tiềm năng này Bình Giang có thể xây dựng một nền du lịch đặc thù, đủ sức cạnh tranh với các địa phương khác trong tỉnh Hải Dương, và các vùng lân cận.

Trong những năm qua, việc khai thác tài nguyên du lịch của huyện vào phát triển du lịch mới chỉ chủ yếu phục vụ cho người dân trong huyện và một số địa phương lân cận, cơ sở vật chất kỹ thuật-hạ tầng còn yếu kém, đội ngũ lao động trong lĩnh vực du lịch của huyện còn mỏng, thiếu trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt chưa có chính sách hợp lý để khai thác các tài nguyên vào phát triển du lịch.

Dựa trên việc tìm hiểu nghiên cứu đánh giá tài nguyên của huyện, khoá luận đã đưa ra một số giải pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả khai thác như xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, bảo tồn các di tích lịch sử văn hoá, tăng cường xúc tiến quảng bá, đào tạo nguồn nhân lực...

Trên thực tế việc khai thác nguồn tài nguyên của huyện Bình Giang cho phát triển du lịch chưa thực sự tương xứng với tiềm năng to lớn của nó, còn nhiều khó khăn, thiếu thôn về nhiều mặt. Các biện pháp nêu trên nếu được áp dụng một cách hợp lý, có khả năng sẽ mang lại những triển vọng đối với ngành du lịch của địa phương, góp phần đưa du lịch Bình Giang trở thành một ngành kinh tế quan trọng của huyện. Chính vì thế để khai thác được nguồn tài nguyên của huyện cho phát triển du lịch thì các cấp chính quyền địa phương và ngành du lịch cần có những biện pháp thúc đẩy du lịch huyện phát triển.

### **2. Khuyến nghị**

– Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, cần có những chính sách thúc đẩy du lịch huyện Bình Giang phát triển. Tạo những tour du lịch liên kết giữa các huyện trong tỉnh hoặc với các tỉnh khác với các điểm du lịch của huyện Bình Giang. Cần có chính sách khuyến khích phát triển du lịch cho huyện Bình Giang như mở các lớp đào tạo nghiệp vụ về du lịch cho các cán bộ, nhân viên đang hoạt động trong lĩnh vực du lịch. Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật cho huyện. Thường xuyên cử các cán bộ có chuyên môn xuống địa phương để kiểm tra hoạt động du lịch của huyện, việc khai thác tài nguyên của huyện. Để từ đó tỉnh mới có cơ sở thúc đẩy du lịch huyện Bình Giang phát triển. Tỉnh Hải Dương cần đưa ra nhiều chương trình giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch Bình Giang như tổ chức các chương trình giới thiệu hình ảnh con người và vùng đất Bình Giang tới các tỉnh bạn và trong cả nước, tổ chức các cuộc hội thảo trao đổi kinh nghiệm về phát triển du lịch giữa các huyện, các tỉnh với nhau. Có những chính sách ưu tiên phát triển kinh tế huyện để huyện vững về kinh tế tạo đà cho phát triển du lịch.

– Sở Văn hoá Thể thao Du lịch và huyện nên có sự liên kết với các công ty lữ hành triển khai các chương trình lịch. Bên cạnh đó có chính sách hỗ trợ phát triển du lịch như tuyên truyền, quảng bá cho những sản phẩm du lịch.

– Huyện Bình Giang, cần củng cố và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, đảm bảo các điều kiện thiết yếu về nước sạch, vệ sinh môi trường tại các khu du lịch. Nâng cấp hoặc bổ sung các công trình vệ sinh tại các điểm du lịch. Các cán bộ, nhân viên của huyện phải tham gia tích cực vào việc tuyên truyền quảng bá hình ảnh của huyện tới mọi người. Tăng cường nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

– Ủy ban nhân dân huyện, cùng các xã có điểm du lịch nên có sự hỗ trợ, tuyên truyền, cung cấp các thông tin cần thiết cho người dân, giúp họ nâng cao kiến thức về làm du lịch, nâng cao ý thức cho người dân về bảo vệ các tài nguyên du lịch, cách ứng xử với khách du lịch.

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG</b> .....	4
<b>1.1. Một số khái niệm cơ bản về du lịch</b> .....	4
1.1.1. Khái niệm về du lịch .....	4
1.1.2. Khái niệm về tài nguyên du lịch .....	5
<b>1.2. Đặc điểm và vai trò của tài nguyên du lịch</b> .....	6
1.2.1. Đặc điểm của tài nguyên du lịch.....	6
1.2.2. Vai trò của tài nguyên du lịch đối với phát triển du lịch .....	7
<b>1.3. Tài nguyên du lịch tự nhiên</b> .....	8
1.3.1. Khái niệm tài nguyên du lịch tự nhiên .....	8
1.3.2. Đặc điểm tài nguyên du lịch tự nhiên .....	8
1.3.3. Các dạng tài nguyên du lịch tự nhiên.....	8
1.3.3.1. Địa hình.....	8
1.3.3.2. khí hậu .....	10
1.3.3.3. Tài nguyên nước.....	11
1.3.3.4. Tài nguyên sinh vật.....	12
<b>1.4. Tài nguyên du lịch nhân văn</b> .....	13
1.4.1. Khái niệm tài nguyên du lịch nhân văn .....	13
1.4.2 Đặc điểm tài nguyên du lịch nhân văn.....	14
1.4.3 Các dạng tài nguyên du lịch nhân văn .....	15
1.4.3.1. Các di tích lịch sử văn hoá .....	15
1.4.3.2. Các lễ hội.....	16
1.4.3.3. Các đối tượng gắn với dân tộc học .....	17
1.4.3.4. Các đối tượng văn hoá, thể thao và hoạt động nhận thức khác .....	18
<b>Tiểu kết chương I</b> .....	18
<b>CHƯƠNG II: TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN BÌNH GIANG</b> .....	19
<b>2.1. Khái quát về tỉnh Hải Dương</b> .....	19
<b>2.2. Tiềm năng phát triển du lịch huyện Bình Giang</b> .....	20
2.2.1. Khái quát về huyện Bình Giang .....	20
2.2.2. Tiềm năng tài nguyên du lịch của huyện .....	22



2.2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên .....	22
2.2.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn .....	25
2.2.3. Thực trạng khai thác.....	40
2.2.3.1. Tài nguyên.....	40
2.2.3.2. Khách du lịch .....	42
2.2.3.3. Cơ sở vật chất kĩ thuật.....	43
2.2.3.4. Dân số và lao động.....	46
2.2.3.5. Kết quả hoạt động kinh doanh .....	47
2.2.3.6. Sản phẩm du lịch.....	48
2.2.3.7. Công tác quảng cáo, xúc tiến đầu tư du lịch .....	48
2.2.3.8. Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội .....	49
2.2.4 Đánh giá chung .....	50
<b>TIỂU KẾT CHƯƠNG II.....</b>	<b>51</b>
<b>CHƯƠNG III : ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN BÌNH GIANG.....</b>	<b>53</b>
<b>3.1. Định hướng .....</b>	<b>53</b>
3.1.1. Định hướng tổ chức không gian du lịch.....	53
3.1.2. Định hướng tổ chức các loại hình du lịch .....	53
<b>3.2. Giải pháp.....</b>	<b>54</b>
3.2.1. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng.....	54
3.2.2. Bảo tồn các di tích lịch sử văn hoá .....	55
3.2.3. Giải pháp phát triển các làng nghề.....	56
3.2.4. Xây dựng các tour du lịch liên huyện, liên tỉnh.....	57
3.2.5. Tăng cường xúc tiến quảng bá cho điểm du lịch .....	58
3.2.6. Giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.....	58
3.2.7. Nâng cao hiểu biết và thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch .....	60
3.2.8. Bảo vệ tài nguyên môi trường tự nhiên .....	60
<b>TIỂU KẾT CHƯƠNG III.....</b>	<b>61</b>
<b>KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....</b>	<b>62</b>
<b>1. Kết luận.....</b>	<b>62</b>
<b>2. Khuyến nghị.....</b>	<b>62</b>